UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN SỐP CỘP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 268/KH-UBND	*Sốp Cộp, ngày 24 tháng 9 năm 2018*

KẾ HOẠCH
Vốn đầu tư công năm 2019 huyện Sốp Cộp (Lần 2)

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư Công năm 2014;

Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư Công;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 18/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-UBDT ngày 11/7/2017 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư chương trình 135 giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh Sơn La về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Sơn La về Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 2), vốn các chương trình mục tiêu quốc gia và vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ làm nhà ở cho người có công;

Căn cứ Công văn số 1174/TTHĐND ngày 18/01/2018 của Thường trực HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bề vững của huyện Sốp Cộp từ năm 2009-2020;

Căn cứ Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh Sơn La về giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 3167/QĐ-UBND ngày 10/12/2017 của UBND tỉnh Sơn La về giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 2), vốn các chương trình mục tiêu quốc gia và vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ làm nhà ở cho người có công;

Căn cứ Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của UBND tỉnh Sơn La điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và năm 2018;

Căn cứ Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 05/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019;

Căn cứ Công văn số 809/SKHĐT-THQH ngày 07/5/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Công văn số 75/CV-VPĐP ngày 24/5/2018 của Văn phòng Điều phối BCĐ NTM tỉnh Sơn La về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 21/8/2017 của HĐND huyện Sốp Cộp về Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn phân cấp cho huyện giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 06/4/2018 của HĐND huyện Sốp Cộp về Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ;

Căn cứ kết quả hội nghị tư vấn Kế hoạch đầu tư công năm 2019 của huyện Sốp Cộp ngày /9/2018, UBND huyện Sốp Cộp xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 9 tháng NĂM 2018

1. Đánh giá kết quả tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án, nguồn vốn được giao quản lý, sử dụng

Tổng số vốn năm 2018 (bao gồm cả chuyển nguồn) là 156.584 triệu đồng. Đã giải ngân, thanh toán là 85.043 triệu đồng, đạt 54,31% kế hoạch vốn giao, ước thực hiện cả năm là 156.584 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao. Cụ thể như sau:

1.1. Vốn giao năm 2018

Tổng số vốn giao năm 2018 là 110.810 triệu đồng, đã giải ngân, thanh toán là 62.457 triệu đồng, đạt 56,36% kế hoạch vốn giao, ước thực hiện cả năm là 110.810 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao. Trong đó:

1.1.1. Vốn ngân sách huyện

Tổng số vốn ngân sách huyện là 39.832 triệu đồng, đã giải ngân được 16.484 triệu đồng đạt 41,39% kế hoạch vốn giao, ước thực hiện cả năm là 39.832 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao, trong đó:

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách cấp tỉnh ủy quyền huyện phân bổ là 4.000 triệu đồng, đã giải ngân được 2.716 triệu đồng đạt 67,89% kế hoạch vốn giao, ước thực hiện cả năm là 4.000 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao.

- Nguồn bổ sung cân đối phân cấp cho huyện là 28.976 triệu đồng, đã giải ngân được 10.932 triệu đồng đạt 37,73% kế hoạch vốn giao, ước thực hiện cả năm là 28.976 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao.

- Nguồn hỗ trợ đô thị đầu tư các dự án trọng điểm là 6.856 triệu đồng, đã giải ngân được 2.837 triệu đồng đạt 41,39% kế hoạch vốn giao, ước thực hiện cả năm là 6.856 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao.

1.1.2. Nguồn chương trình mục tiêu quốc gia

Tổng số vốn các chương trình mục tiêu quốc gia là 38.150 triệu đồng đã giải ngân được 32.627 triệu đồng đạt 85,52% kế hoạch vốn giao, ước thực hiện cả năm là 38.150 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao, trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 26.889 triệu đồng đã giải ngân được 22.971 triệu đồng đạt 85,43% kế hoạch vốn giao, ước thực hiện cả năm là 26.889 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao.

- Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới là 11.421 triệu đồng đã giải ngân được 9.656 triệu đồng đạt 85,75% kế hoạch vốn giao, ước thực hiện cả năm là 11.421 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao.

1.1.3. Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở

Tổng số vốn giao là 14.400 triệu đồng, chưa giải ngân, ước thực hiện cả năm là 14.400 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao.

1.1.4. Vốn ngân sách tỉnh

Tổng số vốn ngân sách tỉnh là 18.428 triệu đồng, đã giải ngân được 13.345 triệu đồng đạt 72,42% kế hoạch vốn giao, ước thực hiện cả năm là 18.428 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao, trong đó:

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh là 10.700 triệu đồng, đã giải ngân được 10.700 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao.

- Đề án phát triển kinh tế xã hội huyện Sốp Cộp là 7.728 triệu đồng, đã giải ngân được 2.645 triệu đồng đạt 34,22% kế hoạch vốn giao, ước thực hiện cả năm là 7.728 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao.

1.2. Vốn chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018

Tổng số vốn chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018 là 45.774 triệu đồng, đã giải ngân, thanh toán là 22.586 triệu đồng, đạt 49,34% kế hoạch vốn giao, ước thực hiện cả năm là 45.774 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao. Trong đó:

1.2.1. Vốn ngân sách huyện

Tổng số vốn ngân sách huyện là 42.732 triệu đồng, đã giải ngân được 20.688 triệu đồng đạt 48,41% kế hoạch vốn giao, ước thực hiện cả năm là 42.732 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao, trong đó:

- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 39.425 triệu đồng, đã giải ngân được 17.382 triệu đồng đạt 44,09% kế hoạch vốn giao, ước thực hiện cả năm là 39.425 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao.

- Vốn hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới là 967 triệu đồng, chưa giải ngân, ước thực hiện cả năm là 967 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao.

- Nguồn hỗ trợ đô thị đầu tư các dự án trọng điểm là 2.340 triệu đồng chưa giải ngân, ước thực hiện cả năm là 2.340 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao.

1.2.2. Vốn TPCP

Số vốn TPCP giao thực hiện đề án kiên cố hóa nhà lớp học là 3.043 triệu đồng, đã giải ngân được 1.898 triệu đồng đạt 62,37% kế hoạch vốn giao, ước thực hiện cả năm là 3.043 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao.

1.3. Đánh giá tình hình thực hiện và kết quả triển khai kế hoạch vốn đã được giao; những kết quả cụ thể trong các nguyên tắc bố trí

Thực hiện Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014, các Nghị định của Chính phủ và các hướng dẫn của Bộ, UBND tỉnh, Sở, Ngành, 9 tháng năm 2018 huyện đã nghiêm túc thực hiện phân bổ, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản tuân thủ theo quy định: tập trung bố trí vốn thanh toán nợ khối lượng hoàn thành của các công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, công trình chuyển tiếp. Bố trí một phần vốn khởi công mới cho những dự án thuộc các lĩnh vực trọng điểm, cần thiết, cấp bách đã có đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định, đảm bảo bố trí tối thiểu 35% cho dự án nhóm C.

Để đẩy nhanh tiến độ triển khai và giải ngân thanh toán các nguồn vốn, thường xuyên chỉ đạo các phòng, ban liên quan rà soát tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản. Tập trung nguồn lực đầu tư cho các dự án có khả năng sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả trong năm.

1.4. Những tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư

- 02 dự án đường giao thông: Sốp Cộp - Cửa khẩu Lạnh Bánh (Km7-31); Sốp Cộp - Púng Bánh đã cơ bản hoàn thành, tuy nhiên vẫn chưa được UBND tỉnh cấp kinh phí dẫn đến nợ khối lượng hoàn thành.

- Đến nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư vẫn chưa thông báo vốn cho 46 phòng học Mầm non của đề án kiên cố hóa trường lớp học sử dụng nguồn vốn TPCP dự phòng giai đoạn 2012-2015.

1.5. Đề xuất sửa đổi, bổ sung về cơ chế chính sách và tiêu chí phân bổ, cơ chế quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia, các khoản bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương cho địa phương

- Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục có ý kiến với Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm bố trí vốn cho các dự án thuộc chương trình kiên cố hóa trường lớp học sử dụng nguồn vốn TPCP dự phòng giai đoạn 2012-2015 cho 46 phòng học mầm non.

- Đề nghị UBND tỉnh bố trí kinh phí cho 02 dự án đường giao thông: Sốp Cộp - Cửa khẩu Lạnh Bánh (Km7-31); Sốp Cộp - Púng Bánh để thanh toán nợ khối lượng hoàn thành.

2. Rà soát, tổng hợp tình hình nợ đọng XDCB đối với từng nguồn vốn, từng dự án được giao quản lý các nguồn ngân sách cấp huyện

Tổng nợ xây dựng cơ bản đến 30/9/2018 là 1.591 triệu đồng.

(Có biểu số 10 kèm theo)

3. Các giải pháp và kiến nghị tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trong những tháng cuối năm 2018

- UBND huyện tiếp tục rà soát, thực hiện điều chỉnh các nguồn vốn đảm bảo giải ngân hết kế hoạch vốn giao.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, thực hiện giải ngân theo đúng cam kết kế hoạch giải ngân để phát hiện những vướng mắc trong quá trình thực hiện để đưa ra phương án xử lý kịp thời đảm bảo giải ngân tối đa các nguồn vốn.

- Kiên quyết xử lý đối với các Chủ đầu tư, Chủ tài khoản để chuyển nguồn, hết hạn giải ngân thanh toán phải thu hồi, nhất là những trường hợp bị thu hồi về ngân sách Trung ương, đưa vào tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và đánh giá thi đua, xếp loại năm 2018.

- Đối với các dự án đến ngày 30/9/2018 giải ngân dưới 30% kế hoạch vốn năm 2018, kiên quyết không bố trí kế hoạch vốn năm 2019 để tập trung thực hiện hết số vốn kế hoạch năm 2018 kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2019; Yêu cầu các Chủ đầu tư giải trình, làm rõ trách nhiệm với UBND huyện.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2019

1. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch vốn

Năm 2019 là năm thứ tư triển khai thực hiện Nghị quyết số 119/2015/NQ-HĐND ngày 17/12/2015 của HĐND huyện Sốp Cộp về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 -2020 và là năm thứ ba thời kỳ ổn định ngân sách 2017 – 2020. Do đó kế hoạch vốn đầu tư năm 2019 phải bám sát kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện và bám sát mục tiêu, đối tượng, thứ

tự ưu tiên nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu và nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 trên địa bàn huyện.

1.1. Kế hoạch vốn đầu tư năm 2019 tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 119/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh khóa XIII: tập trung ưu tiên xử lý tình trạng nợ đọng trong đầu tư xây dựng cơ bản (bao gồm nợ dự án hoàn thành, nợ khối lượng hoàn thành của các dự án đang thi công dở dang và nợ các dự án dừng, giãn tiến độ đầu tư), sau khi tập trung thanh toán hết nợ XDCB mới xem xét bố trí cho các dự án chuyển tiếp và khởi công mới có đủ thủ tục đầu tư, mức vốn bố trí cho các dự án chuyển tiếp đảm bảo khả năng hoàn thành dự án theo đúng tiến độ được duyệt. Các dự án chỉ được thực hiện theo kế hoạch vốn được giao để không làm phát sinh nợ trong kế hoạch đầu tư của năm kế hoạch.

Bố trí đảm bảo cơ cấu đối với các nhiệm vụ tỉnh giao rõ cơ cấu, phần còn lại phân bổ đảm bảo theo hướng tập trung, trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo ưu tiên cho những nhiệm vụ, những công trình cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ khởi công mới các dự án thật sự quan trọng, cấp thiết sau khi đã cân đối vốn cho nhiệm vụ thanh toán nợ đọng XDCB và đảm bảo vốn cho các dự án chuyển tiếp đang triển khai hoàn thành đúng tiến độ. Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư năm 2018 và các năm tiếp theo. Mức vốn bố trí cho các dự án khởi công mới đảm bảo để triển khai theo đúng Chỉ thị số 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với các dự án đầu tư thuộc danh mục khởi công mới năm 2019 thực hiện các bước lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Nghị định 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

1.2. Đối với nguồn vốn ngân sách huyện: Mức vốn và cơ cấu phân bổ đảm bảo cơ cấu theo Nghị quyết của HĐND tỉnh (đảm bảo giành đủ phần vốn để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, hỗ trợ chương trình xây dựng nông thôn mới), phần còn lại mới bố trí để triển khai các dự án đầu tư.

Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất phân bổ theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của HĐND tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Sơn La về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh giai đoạn 2017-2020.

1.3. Đối với nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia: Việc phân bổ, bố trí vốn cho các công trình vừa đảm bảo tập trung thanh toán cho các dự án hoàn thành, dự án chuyển tiếp, đồng thời phải đảm bảo theo đúng định mức phân bổ cho các xã theo quyết định của UBND tỉnh Sơn La.

2. Kế hoạch vốn đầu tư năm 2019

Tổng nhu cầu vốn năm 2019 là 205.454 triệu đồng, gồm các nguồn vốn:

2.1. Nguồn ngân sách cấp huyện: Tổng kế hoạch vốn năm 2019 là 90.671 triệu đồng, cụ thể:

a) Nguồn bổ sung cân đối NST (ủy quyền huyện phân bổ): 4.000 triệu đồng, cơ cấu phân bổ:

* Hỗ trợ thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới: 2.000 triệu đồng.

- Bố trí cho 01 dự án dự kiến hoàn thành năm 2018 là 500 triệu đồng.

- Bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành đúng tiến độ là 1.000 triệu đồng.

- Bố trí cho 01 dự án khởi công mới là 500 triệu đồng.

* Hỗ trợ các xã biên giới Việt Nam – Lào theo quyết định số 160/QĐ-TTg: 2.000 triệu đồng.

- Bố trí cho 04 dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thuộc 4 xã biên giới là 818 triệu đồng.

- Lồng ghép bố trí cho 03 dự án khởi công mới là 1.182 triệu đồng.

b) Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp: 11.781 triệu đồng (tăng 10% so với kế hoạch vốn năm 2018), cơ cấu phân bổ:

* Hỗ trợ thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới: 1.000 triệu đồng.

- Bố trí cho 08 dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng là 169 triệu đồng.

- Bố trí cho 01 dự án khởi công mới là 831 triệu đồng.

* Thực hiện đầu tư:

- Bố trí cho 09 dự án dự kiến hoàn thành năm 2018 là 4.582 triệu đồng.

- Bố trí cho 02 dự án chuyển tiếp hoàn thành đúng tiến độ là 1.700 triệu đồng.

- Bố trí khởi công mới 03 dự án là 4.500 triệu đồng.

c) Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất: 18.650 triệu đồng, cơ cấu phân bổ như sau:

- Điều tiết 15% về ngân sách tỉnh: 2.797,5 triệu đồng (gồm: 5% quỹ phát triển đất và 10% kinh phí dự phòng chống khắc phục thiên tai theo HĐND tỉnh quy định tại Nghị quyết 71/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018).

- Hỗ trợ làm đường giao thông theo Nghị quyết 74/2018/NQ-HĐND là 3.000 triệu đồng.

- Kinh phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chỉ thị 05 là 3.000 triệu đồng.

- Thực hiện các dự án đầu tư là 9.852triệu đồng. Trong đó: Đầu tư cho 05 dự án trong khu ở là 9.852 triệu đồng.

d) Nguồn vốn chương trình 30a: 35.200 triệu đồng, cơ cấu phân bổ như sau:

- Bố trí cho 04 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2018 là 3.070 triệu đồng.

- Bố trí cho 07 dự án chuyển tiếp hoàn thành đúng tiến độ là 20.250 triệu đồng.

- Bố trí khởi công mới 10 dự án là 11.880 triệu đồng.

f) Nguồn vốn chương trình 135: 7.000 triệu đồng, cơ cấu phân bổ như sau:

- Bố trí cho 04 dự án chuyển tiếp hoàn thành đúng tiến độ là 3.600 triệu đồng.

- Lồng ghép bố trí khởi công mới 03 dự án là 3.400 triệu đồng.

g) Nguồn vốn chương trình MTQG nông thôn mới: 13.870 triệu đồng, cơ cấu phân bổ như sau:

- Bố trí cho 02 dự án dự kiến hoàn thành năm 2018 là 200 triệu đồng.

- Bố trí cho 05 dự án chuyển tiếp hoàn thành đúng tiến độ là 5.800 triệu đồng.

- Bố trí khởi công mới 08 dự án là 7.870 triệu đồng.

(Biểu chi tiết số 03 kèm theo)

2.2. Nguồn ngân sách cấp tỉnh: Tổng kế hoạch vốn năm 2019 là 114.783 triệu đồng, cụ thể:

a) Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 18.700 triệu đồng, cơ cấu phân bổ như sau:

- Bố trí cho 01 dự án dự kiến hoàn thành năm 2018 (Khu chôn lấp và xử lý chất thải rắn huyện Sốp Cộp) là 6.500 triệu đồng.

- Bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ (Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Huổi Men, xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp) là 7.200 triệu đồng.

- Bố trí cho 01 dự án khởi công mới năm 2019 (Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Sốp Cộp) là 5.000 triệu đồng.

b) Nguồn vốn Hỗ trợ đầu tư các dự án cấp bách khác của địa phương theo các quyết định của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước (Đề án 1584 huyện Sốp Cộp): 6.119 triệu đồng, cơ cấu phân bổ như sau:

- Bố trí cho 01 dự án hoàn thành đã bàn giao đưa vào sử dụng (Cầu Nậm Lạnh, Nậm Ca huyện Sốp Cộp) 119 triệu đồng.

- Bố trí khởi công mới 01 dự án (Trung tâm bồi dưỡng chính tri huyện) là 6.000 triệu đồng.

e) Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất ngân sách tỉnh là 89.964 triệu đồng, cơ cấu phân bổ như sau:

- Bố trí cho 02 dự án dự kiến hoàn thành năm 2018 là 89.964 triệu đồng.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục có ý kiến với Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm bố trí vốn cho các dự án thuộc chương trình kiên cố hóa trường lớp học sử dụng nguồn vốn TPCP dự phòng giai đoạn 2012-2015 cho 46 phòng học mầm non;

2. Đề nghị UBND tỉnh bố trí kinh phí cho 02 dự án đường giao thông: Sốp Cộp - Cửa khẩu Lạnh Bánh (Km7-31); Sốp Cộp - Púng Bánh để thanh toán nợ khối lượng hoàn thành.

Trên đây là Kế hoạch đầu tư công năm 2019 của huyện Sốp Cộp./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở LĐTB&XH;
- Sở NN&PTNT;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Lưu: VT, (TCKH A02b), 25b.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Tiến Lợi

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 01

HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NĂM 2018

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /9/2018 của UBND huyện Sốp Cộp)

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Năm 2018			Kế hoạch năm 2019	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện 9 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2018/ TH 2017	KH năm 2019/UTH 2018
	TỔNG SỐ	**Tỷ đồng**	**226,753**	**156,584**	**85,043**	**156,584**	**205,454**	**69,05%**	**131,21%**
I	**VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**	**Tỷ đồng**	**226,753**	**156,584**	**85,043**	**156,584**	**205,454**	**69,05%**	**131,21%**
1	Vốn ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	206,182	153,541	83,146	153,541	205,454	74,47%	133,81%
	- Vốn trong nước	Tỷ đồng	206,182	153,541	83,146	153,541	205,454	74,47%	133,81%
	- Vốn nước ngoài (ODA)	Tỷ đồng							
2	Vốn trái phiếu Chính phủ	Tỷ đồng	20,571	3,043	1,897	3,043	-	14,79%	0,00%
	+ Giao thông, thuỷ lợi	Tỷ đồng							
	+ Bệnh viện tuyến huyện	Tỷ đồng							
	+ Chương trình KCH trường, lớp học	Tỷ đồng	20,571	3,043	1,897	3,043	-	14,79%	0,00%
3	Đề án ổn định di dân TĐC thuỷ điện Sơn La	Tỷ đồng	-	-	-	-	-		
	TĐ: Vốn TPCP	Tỷ đồng	-	-	-	-	-		
4	Vốn tín dụng đầu tư phát triển của NN	Tỷ đồng	-			-			
5	Vốn đầu tư của các doanh nghiệp NN	Tỷ đồng		-	-	-	-		
6	Vốn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp ngoài quốc doanh	Tỷ đồng							
7	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	Tỷ đồng							
8	Các nguồn vốn khác	Tỷ đồng							
II	**VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRÊN ĐỊA BÀN DO BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**	Tỷ đồng							

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 02

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2018
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /9/2018 của UBND huyện Sốp Cộp)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Năm 2018					Kế hoạch năm 2019	So sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện		Giải ngân thanh toán			Ước TH 2018/ TH 2017	KH năm 2019/U TH 2018
				9 tháng đầu năm	Ước cả năm	9 tháng đầu năm	Ước cả năm			
	TỔNG VỐN	**128.830,758**	**114.179,000**	**54.894,075**	**168.565,095**	**62.458,515**	**114.117,908**	**205.454,118**	**89%**	**180%**
A	**CÁC NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**	**88.825,000**	**95.751,000**	**42594,075**	**142.065,095**	**49.113,638**	**95.689,908**	**90.671,253**	**108%**	**95%**
I	**Vốn cân đối NSĐP được phân cấp**	**14.701,000**	**14.701,000**	**13.621,262**	**31.386,401**	**11.313,905**	**14.701,000**	**15.951,253**	**100%**	**109%**
1	Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh ủy quyền cho huyện phân bổ	4.000,000	4.000,000	2.896,382	6.500,000	2.715,672	4.000,000	4.000,000	100%	100%
2	Vốn cân đối NSĐP được phân cấp	10.701,000	10.701,000	10.724,880	24.886,401	8.598,233	10.701,000	11.951,253	100%	112%
II	**Đầu tư từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất**	**11.000,000**	**21.500,000**	**3.500,000**	**31.865,000**	**2.333,595**	**21.500,000**	**18.650,000**	**195%**	**87%**
IV	**Nguồn hỗ trợ đô thị đầu tư các dự án trọng điểm**	**15.000,000**	**7.000,000**	**2.837,849**	**7.000,000**	**2.837,849**	**7.000,000**	-	**47%**	**0%**
V	**hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở**	-	**14.400,000**	-	**14.400,000**	-	**14.400,000**	-		**0%**
VI	**Các chương trình mục tiêu quốc gia**	**48.124,000**	**38.150,000**	**22.634,964**	**57.413,694**	**32.628,289**	**38.088,908**	**56.070,000**	**79%**	**147%**
1	**Chương trình MTQG giảm nghèo**	**37.194,000**	**26.889,000**	**13.681,315**	**42.431,255**	**22.972,347**	**26.889,000**	**42.200,000**	**72%**	**157%**
	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP	29.762,000	17.966,000	9.277,330	32.730,957	14.401,066	17.966,000	35.200,000	60%	196%
	Hỗ trợ đầu tư các xã ĐBKK, xã biên giới; xã an toàn khu, các thôn đặc biệt khó khăn	7.432,000	8.923,000	4.403,985	9.700,298	8.571,281	8.923,000	7.000,000	120%	78%
2	**Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**	**10.930,000**	**11.261,000**	**8.953,649**	**14.982,439**	**9.655,942**	**11.199,908**	**13.870,000**	**102%**	**124%**
B	**CÁC NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**	**40.005,758**	**18.428,000**	**12.300,000**	**26.500,000**	**13.344,877**	**18.428,000**	**114.782,865**	**46%**	**623%**
I	Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	12.000,000	10.700,000	9.800,000	19.000,000	10.700,000	10.700,000	18.700,000	89%	175%
II	Nguồn vốn Hỗ trợ đầu tư các dự án cấp bách khác của địa phương theo các quyết định của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước (Đề án 1584 huyện Sốp Cộp)	28.005,758	7.728,000	2.500,000	7.500,000	2.644,877	7.728,000	6.118,619	28%	79%
III	Đầu tư từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	89.964,246	0%	

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 03

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2018, DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /9/2018 của UBND huyện Sốp Cộp)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự án (A/B/C)	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số dự án	Quyết định đầu tư		Luỹ kế khối lượng hoàn thành từ KC đến hết 31/12/2017	Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2017	Thực hiện kế hoạch năm 2018					Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án		Dự kiến Kế hoạch năm 2019	
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2018	Khối lượng thực hiện		Giải ngân thanh toán		Tổng số	Trong đó: dự kiến Nợ KLHT đến 31/12/2018	Tổng số	TĐ: Thanh toán Nợ KLHT
													9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm	9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
	TỔNG SỐ						**98**		**1.090.161,391**	**581.722,982**	**574.224,312**	**92.779,000**	**52.056,226**	**147.165,095**	**59.620,666**	**92.717,908**	**400.931,265**	**44.640,862**	**205.454,118**	**51.649,187**
A	**NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**						**21**		**418.798,853**	**291.101,183**	**289.065,619**	**36.201,000**	**17.121,262**	**63.251,401**	**13.647,500**	**36.201,000**	**76.731,823**	**6.115,133**	**34.601,253**	**6.115,133**
I	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (ỦY QUYỀN HUYỆN PHÂN BỔ)**						**12**		**57.607,283**	**36.195,724**	**32.337,184**	**4.000,000**	**2.896,382**	**6.500,000**	**2.715,672**	**4.000,000**	**26.474,070**	**818,258**	**4.000,000**	**818,258**
1	**Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG NTM**						**5**		**48.043,168**	**31.377,466**	**30.337,184**	**2.000,000**	**2.896,382**	**6.500,000**	**715,672**	**2.000,000**	**20.909,955**	-	**2.000,000**	-
a	***Dự án đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng trước 31/12/2017***						*2*		***24.432,915***	***23.467,663***	***23.025,232***	***415,674***	***396,382***	-	***415,672***	***415,674***	-	-	-	-
1	Trường tiểu học Nậm Ban xã Púng Bánh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	Phòng học bộ môn, phòng đa năng	2016-2018	1	1897 30/10/15	6.958,000	6.402,166	5.986,492	396,382	396,382	-	396,382	396,382	-	-	-	-
8	Trường PTTH huyện Sốp Cộp	C	UBND huyện Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp			1	2405, 03/10/08	17.474,915	17.065,497	17.038,740	19,292	-	-	19,290	19,292				
b	***Dự án (hoặc hạng mục dự án) dự kiến hoàn thành năm 2018***						*1*		***14.846,213***	***7.909,803***	***7.311,952***	***1.584,326***	***2.500,000***	***6.500,000***	***300,000***	***1.584,326***	***14.846,213***	-	***500,000***	-
1	Hệ thống nước sinh hoạt nông thôn cụm bản trung tâm xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	898 hộ	2016-2018	1	1662, 30/9/2016	14.846,213	7.909,803	7.311,952	1.584,326	2.500,000	6.500,000	300,000	1.584,326	14.846,213	-	500,000	-
c	***Dự án chuyển tiếp đang thi công dở dang***						*1*		***6.764,040***	-	-	-	-	-	-	-	***4.063,742***	-	***1.000,000***	-
1	Đường điện Co Hịnh - Pá Hốc xã Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Trạm biến áp, đường dây cấp điện cho 62 hộ	2018-2019	1	296, 26/3/2018	6.764,040	-	-	-	-	-	-	-	4.063,742	-	1.000,000	-
d	***Dự án khởi công mới năm 2019***						1		***2.000,000***	-	-	-	-	-	-	-	***2.000,000***	-	***500,000***	-
2	Nhà Văn hóa xã Mường Lạn	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		2.000,000	-	-	-	-	-	-	-	2.000,000	-	500,000	-
2	**Hỗ trợ các xã biên giới Việt Nam - Lào theo Quyết định số 160/QĐ-TTg**						**7**		**9.564,115**	**4.818,258**	**2.000,000**	**2.000,000**	-	-	**2.000,000**	**2.000,000**	**5.564,115**	**818,258**	**2.000,000**	**818,258**
a	***Dự án đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng trước 31/12/2017***						*4*		***5.064,115***	***4.818,258***	***2.000,000***	***2.000,000***	-	-	***2.000,000***	***2.000,000***	***1.064,115***	***818,258***	***818,258***	***818,258***
1	Nhà Văn hóa bản Huổi Phúc xã Mường Lèo	C	Ban QLDA ĐTXD	xã Mường Lèo	Nhà xây 4 gian	2017 - 2018	1	1843, 31/10/2016	1.448,499	1.405,173	500,000	500,000			500,000	500,000	448,499	405,173	405,173	405,173
2	Nhà Văn hóa bản Cang Côi xã Mường Lạn	C	Ban QLDA ĐTXD	xã Mường Lạn	Nhà xây 4 gian	2017 - 2018	1	1844, 31/10/2016	1.285,616	1.232,878	500,000	500,000			500,000	500,000	285,616	232,878	232,878	232,878
3	Nhà Văn hóa bản Nậm Lạnh xã Nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	xã Nậm Lạnh	Nhà xây 4 gian	2017 - 2018	1	1842, 31/10/2016	1.226,626	1.137,043	500,000	500,000			500,000	500,000	226,626	137,043	137,043	137,043
4	Nhà Văn hóa bản Huổi Pót xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	xã Mường Và	Nhà xây 4 gian	2017 - 2018	1	1845, 31/10/2016	1.103,374	1.043,164	500,000	500,000			500,000	500,000	103,374	43,164	43,164	43,164
b	***Dự án (hoặc hạng mục dự án) dự kiến hoàn thành năm 2018***								-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	***Dự án chuyển tiếp đang thi công dở dang***						-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
d	***Dự án khởi công mới năm 2019***						*3*	-	***4.500,000***	-	-	-	-	-	-	-	***4.500,000***	-	***1.181,742***	-

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 03

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự án (A/B/C)	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số dự án	Quyết định đầu tư		Luỹ kế khối lượng hoàn thành từ KC đến hết 31/12/2017	Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2017	Thực hiện kế hoạch năm 2018					Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án		Dự kiến Kế hoạch năm 2019	
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2018	Khối lượng thực hiện		Giải ngân thanh toán		Tổng số	Trong đó: dự kiến Nợ KLHT đến 31/12/2018	Tổng số	*TĐ: Thanh toán Nợ KLHT*
													9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm	9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
1	Nhà Văn hóa bản Pá Vai xã Nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		1.300,000	-	-	-	-	-	-	-	1.300,000	-	500,000	-
2	Nhà văn hóa bản Huổi Lầu xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		1.200,000	-	-	-	-	-	-	-	1.200,000	-	500,000	-
3	Nhà Văn hóa xã Mường Lạn	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		2.000,000	-	-	-	-	-	-	-	2.000,000	-	181,742	-
II	**KẾ HOẠCH VỐN PHÂN CẤP CHO HUYỆN**						**9**	**-**	**361.191,570**	**254.905,459**	**256.728,435**	**32.201,000**	**14.224,880**	**56.751,401**	**10.931,828**	**32.201,000**	**50.257,753**	**5.296,875**	**30.601,253**	**5.296,875**
1	**Nguồn bổ sung trong cân đối được phân cấp**							**-**	**308.750,556**	**253.291,864**	**251.920,235**	**10.701,000**	**10.724,880**	**24.886,401**	**8.598,233**	**10.701,000**	**27.451,669**	**5.296,875**	**11.951,253**	**5.296,875**
1.1	**Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG NTM**								**22.810,253**	**7.909,803**	**7.311,952**	**1.000,000**	**2.500,000**	**6.500,000**	**351,184**	**1.000,000**	**5.263,742**	-	**1.000,000**	-
a	***Dự án đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng trước 31/12/2017***						*0*	*0*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	***Dự án (hoặc hạng mục dự án) dự kiến hoàn thành năm 2018***						*1*		***21.610,253***	***7.909,803***	***7.311,952***	***1.000,000***	***2.500,000***	***6.500,000***	***351,184***	***1.000,000***	***4.063,742***	-	***500,000***	-
1	Hệ thống nước sinh hoạt nông thôn cụm bản trung tâm xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	898 hộ	2016-2018	1	1662, 30/9/2016	14.846,213	7.909,803	7.311,952	1.000,000	2.500,000	6.500,000	351,184	1.000,000	-	-	-	-
1	Đường điện Co Hịnh - Pá Hốc xã Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Trạm biến áp, đường dây cấp điện cho 62 hộ	2018-2019	1	296, 26/3/2018	6.764,040	-	-	-	-	-	-	-	4.063,742	-	500,000	-
c	***Dự án chuyển tiếp đang thi công dở dang***								-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
d	***Dự án khởi công mới năm 2019***						*1*		***1.200,000***	-	-	-	-	-	-	-	***1.200,000***	-	***500,000***	-
1	Nhà văn hóa Nà Khoang xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		1.200,000	-	-	-	-	-	-	-	1.200,000	-	500,000	-
1.2	**Thực hiện các dự án đầu tư**						**29**		**285.940,303**	**245.382,061**	**244.608,283**	**9.701,000**	**8.224,880**	**18.386,401**	**8.247,049**	**9.701,000**	**22.187,927**	**5.296,875**	**10.951,253**	**5.296,875**
a	***Dự án đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng trước 31/12/2017***						*14*		***240.804,304***	***232.273,935***	***231.222,542***	***962,095***	-	-	***942,395***	***962,095***	***2.862,483***	***169,342***	***169,342***	***169,342***
1	NLH Trường MN Ban Mai xã Nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	5 phòng	2016-2017	1	378, 09/3/2016	3.636,511	3.202,477	3.173,401	2,144	-	-	2,144	2,144	460,966	29,076	29,076	29,076
2	NLH Trường MN Hoa Ban I xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	6 phòng	2016-2017	1	435, 21/3/2016	3.554,30	3.179,078	3.037,000	211,077	-	-	211,077	211,077				
3	NLH Trường MN Họa Mi xã Dồm Cang	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồm Cang	4 phòng	2016-2017	1	362, 7/3/2016	2.856,90	2.436,568	2.175,000	321,604	-	-	321,604	321,604				
4	Đường giao thông Púng Bánh - Nậm Mần	C	UBND huyện Sốp Cộp	Xã Púng Bánh	13km	2009-2014	1	1872, 03/7/2009	21.901,000	20.556,399	20.520,959	35,440	-	-	35,440	35,440				
5	Sửa chữa đường Mường Lạn - Pu hao	C	UBND huyện Sốp Cộp	Xã Mường Lạn	5 km	2014-2015	1	189, 05/2/2015	5.284,760	5.219,674	5.000,000	209,821	-	-	190,121	209,821				
6	Đường giao thông Sam Kha - Mường Léo	C	UBND huyện Sốp Cộp	Xã Sam Kha, Mường Léo	41,7km	2006-2013	1	2327 22/9/2010	83.349,000	80.962,863	80.894,619	58,344	-	-	58,344	58,344				
7	Đường GT Púng Bánh - Sam Kha	C	UBND huyện Sốp Cộp	Xã Sam Kha, Púng Bánh	16,9km	2009-2013	1	1270, 23/5/2008	84.166,000	83.331,712	83.203,422	116,200	-	-	116,200	116,200				
8	Trường PTTH huyện Sốp Cộp	C	UBND huyện Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp				2405, 03/10/08	17.474,915	17.065,497	17.038,740	7,465			7,465	7,465				
9	Sửa chữa thủy Lợi Phai Ta xã Mường Lạn	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	15ha	2015-2016	1	2144, 30/10/2015	5.429,047	5.153,945	5.043,975						385,072	109,970	109,970	109,970

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 03

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự án (A/B/C)	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số dự án	Quyết định đầu tư		Luỹ kế khối lượng hoàn thành từ KC đến hết 31/12/2017	Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2017	Thực hiện kế hoạch năm 2018					Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án		Dự kiến Kế hoạch năm 2019	
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2018	Khối lượng thực hiện		Giải ngân thanh toán		Tổng số	Trong đó: dự kiến Nợ KLHT đến 31/12/2018	Tổng số	TĐ: Thanh toán Nợ KLHT
													9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm	9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	15	16	17	18	19	20	21	22	23
10	Hệ thống điện chiếu sáng khu trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Hệ thống đèn, cột, tủ điện điều khiển	2015-2016	1	1072, 30/06/16	2.809,517	2.368,946	2.362,447						447,070	6,499	6,499	6,499
11	Thủy lợi bản Liếng - Phai Huổi Lún xã Púng Bánh, huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	8 ha	2016-2017	1	2012, 23/10/15	1.249,000	1.119,046	1.112,811						136,189	6,235	6,235	6,235
12	Thủy lợi phai Nong - Bản Lầu xã Púng Bánh, huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	13 ha	2016-2017	1	2012, 23/10/15	4.147,498	3.571,119	3.567,319						580,179	3,800	3,800	3,800
13	Cải tạo đường từ cầu sắt Nậm Ca đấu nối vào đường đi Trụ sở Công an Huyện	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Đào, san nền, xây rãnh đá hộc, cống bản, vuốt nối tại ngã ba đường	2016-2017	1	2096, 23/10/15	2.499,433	1.879,223	1.876,489						622,944	2,734	2,734	2,734
14	Nước sinh hoạt bản Huổi Phúc, xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lèo	34 hộ	2016-2017	1	2075, 23/10/15	1.300,230	1.143,253	1.141,025						159,205	2,228	2,228	2,228
15	Nhà lớp học Mầm non Pà Hốc xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	01 phòng học, 01 phòng công vụ + Phụ trợ	2016-2017	1	1997, 21/10/2015	1.146,193	1.084,135	1.075,335						70,858	8,800	8,800	8,800
b	***Dự án đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng năm 2018***						*10*		***29.802,474***	***13.108,126***	***13.385,741***	***7.732,504***	***7.218,479***	***15.680,000***	***6.298,253***	***7.732,504***	***4.998,320***	***3.427,533***	***4.581,911***	***3.427,533***
1	Hệ thống nước sinh hoạt nông thôn cụm bản trung tâm xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	898 hộ	2016-2018	1	1662, 30/9/2016	14.846,213	7.909,803	7.311,952	3.848,352	2.500,000	6.500,000	2.500,000	3.848,352	-	-	-	-
2	Trường THCS Sốp Cộp (các hạng mục phụ trợ)	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	sân, nhà để xe, nhà bảo vệ, cổng, bồn hoa	2017-2018	1	1848, 31/10/2016	2.397,549	2.105,474	1.073,789	979,774	-	-	979,774	979,774	343,986	51,911	51,911	51,911
3	Sửa chữa tuyến đường tuần tra biên giới trên địa bàn huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	120 km	20117-2018	1	711, 03/7/2017	6.010,486	3.092,849	5.000,000		1.900,000	2.900,000			1.010,486		1.000,000	
4	Trụ sở làm việc công an xã Nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	Nhà xây ghép 05 gian	2018-2019	1	1353, 30/10/2018	891,811			424,000	415,500	850,000	415,500	424,000	467,811	426,000	450,000	426,000
5	Trụ sở làm việc công an xã Dồm Cang	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồm Cang	Nhà xây ghép 05 gian	2018-2019	1	1354, 30/10/2019	881,985			424,000	412,350	830,000	412,350	424,000	457,985	406,000	450,000	406,000
10	Nhà công vụ UBND xã Sam Kha	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	Nhà lắp ghép 05 gian	2018-2019	1	1353, 30/10/2017	999,965			360,000	360,000	950,000	360,000	360,000	639,965	590,000	600,000	590,000
6	Trụ sở làm việc công an xã Sam Kha	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	Nhà xây ghép 05 gian	2018-2019	1	1356, 30/10/2021	924,377			424,000	415,500	900,000	415,500	424,000	500,377	476,000	500,000	476,000
7	Trụ sở làm việc công an xã Mường Lèo	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lèo	Nhà xây ghép 05 gian	2018-2019	1	1357, 30/10/2022	982,450			424,378	415,500	950,000	415,500	424,378	558,072	525,622	550,000	525,622
8	Trụ sở làm việc công an xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	Nhà xây ghép 05 gian	2018-2019	1	1352, 30/10/2023	952,394			424,000	384,129	900,000	384,129	424,000	528,394	476,000	500,000	476,000
9	Trụ sở làm việc công an xã Mường Lạn	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	Nhà xây ghép 05 gian	2018-2019	1	1359, 30/10/2024	915,244			424,000	415,500	900,000	415,500	424,000	491,244	476,000	480,000	476,000
c	***Dự án chuyển tiếp đang thi công dở dang***						*2*		***2.833,525***	-	-	***1.006,401***	***1.006,401***	***2.706,401***	***1.006,401***	***1.006,401***	***1.827,124***	***1.700,000***	***1.700,000***	***1.700,000***
1	Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Nà Khi xã Mường Lạn (bản Pá Cạch trên)	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	02 phòng học + 1 phòng công vụ+ Phụ trợ	2018-2019	1	1344, 30/10/2017	1.699,000			600,000	600,000	1.600,000	600,000	600,000	1.099,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000
2	Nước sinh hoạt bản Hua Lạnh xã Nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	60 hộ	2018-2019	1	1197, 06/10/2017	1.134,525			406,401	406,401	1.106,401	406,401	406,401	728,124	700,000	700,000	700,000
d	***Dự án khởi công mới năm 2019***						*3*		***12.500,000***	-	-	-	-	-	-	-	***12.500,000***	-	***4.500,000***	-
1	Trường tiểu học Khoang Cáp xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và (Bản Phá Thông, Huổi Dương, Pá Vai)	5 phòng học,5 phòng công vụ, hạng mục phụ trợ (Pá Vai 1 phòng học, 02 công vụ; Phá Thoong 2 phòng học, 2 phòng công vụ; Huổi Dương 2 phòng học, 1 phòng công vụ)	2019-2020	1		4.500,000	-	-	-	-	-	-	-	4.500,000	-	1.600,000	-

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 03

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự án (A/B/C)	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số dự án	Quyết định đầu tư		Luỹ kế khối lượng hoàn thành từ KC đến hết 31/12/2017	Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2017	Thực hiện kế hoạch năm 2018					Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án		Dự kiến Kế hoạch năm 2019	
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2018	Khối lượng thực hiện		Giải ngân thanh toán		Tổng số	Trong đó: dự kiến Nợ KLHT đến 31/12/2018	Tổng số	*TĐ: Thanh toán Nợ KLHT*
													9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm	9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
2	Trường PTDT bán trú THCS Năm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Năm Lạnh	Dãy nhà hỗn hợp gồm: 4 phòng học 4 phòng bộ môn; dãy nhà đa năng	2019-2020	1		7.000,000	-	-	-	-	-	-	-	7.000,000	-	2.500,000	-
3	Trụ sở làm việc công an xã Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Nhà xây ghép 05 gian	2019-2020	1		1.000,000	-	-	-	-	-	-	-	1.000,000	-	400,000	-
2	**Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất**						**9**		**52.441,014**	1.613,595	**4.808,200**	**21.500,000**	**3.500,000**	**31.865,000**	**2.333,595**	**21.500,000**	**22.806,084**	-	**18.650,000**	-
2.1	**Điều tiết 15% về ngân sách tỉnh (gồm: 5% quỹ phát triển đất và 10% kinh phí dự phòng chống khắc phục thiên tai)**								-	-	-	**3.225,000**	-	-	-	**3.225,000**	-	-	**2.797,500**	
	Điều tiết 5% quỹ phát triển đất											1.075,000				1.075,000			932,500	
	Điều tiết 10% kinh phí dự phòng chống khắc phục thiên tai											2.150,000				2.150,000			1.865,000	
2.2	**Kinh phí hỗ trợ làm đường giao thông theo Nghị quyết 115/2015/NQ-HĐND của HĐND tỉnh**											**3.325,000**	-	**3.325,000**	**1.500,000**	**3.325,000**			**3.000,000**	
2.3	**Kinh phí cấp GCN quyền sử dụng đất lần đầu theo Chỉ thị 05/CT-TTg**											**4.300,000**	-	**4.300,000**	-	**4.300,000**	-		**3.000,000**	
2.4	**Hỗ trợ người có công về nhà ở**		**UBND các xã**	**huyện Sốp Cộp**	**31 hộ**	**2018**		**3084, 29/11/2017**	**1.240,000**	-	-	**1.240,000**	-	**1.240,000**	-	**1.240,000**				
2.4	**Thực hiện các dự án đầu tư**						**9**		**51.201,014**	1.613,595	**4.808,200**	**9.410,000**	3500	**23.000,000**	**833,595**	**9.410,000**	**22.806,084**	-	**9.852,500**	-
*****	**Các dự án trong khu ở**						**8**		18.757,097	**500,000**	**1.808,200**	**1.400,000**	**2.000,000**	**2.700,000**	**833,595**	**1.400,000**	**15.500,000**	-	**9.852,500**	-
a	***Dự án đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng trước 31/12/2017***						-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	***Dự án (hoặc hạng mục dự án) dự kiến hoàn thành năm 2018***						*1*		*3.257,097*	*500,000*	*1.808,200*	*1.400,000*	*2.000,000*	*2.700,000*	*833,595*	*1.400,000*	-	-	-	-
1	San lấp mặt bằng và các hạng mục phụ trợ (Đường nội bộ, hệ thống điện, nước) khu lô đất E1 (giáp chi cục Thống kê huyện, nhà khách UBND huyện cũ)	C	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Xã Sốp Cộp		2017-2018	1	461, 12/5/2017	3.257,097	500,000	1.808,200	1.400,000	2.000,000	2.700,000	833,595	1.400,000				
c	***Dự án chuyển tiếp đang thi công dở dang***						*3*		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
d	***Dự án khởi công mới năm 2019***						*4*		***15.500,000***	-	-	-	-	-	-	-	***15.500,000***	-	***9.852,500***	-
1	Khu vực một phần lô quy hoạch số HT-39 (vị trí giáp đường 21m) (nối tiếp lô CC-04 giáp đường giao thông Sốp Cộp đi Dồm Cang)	C		Xã Sốp Cộp		2019	1		1.500,000	-	-	-	-	-	-	-	1.500,000	-	1.500,000	-
2	Khu vực phần lô quy hoạch CC-04 (vị trí giáp đường 21m) (Nằm giữa trạm y tế xã Sốp Cộp và đường giao thông Sốp Cộp đi Dồm Cang)	C		Xã Sốp Cộp		2019	1		1.500,000	-	-	-	-	-	-	-	1.500,000	-	1.500,000	-
3	Lô đất CQ13 (đất Lâm trường hiện nay)	C		Xã Sốp Cộp		2019	1		2.500,000	-	-	-	-	-	-	-	2.500,000	-	2.500,000	-

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự án (A/B/C)	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số dự án	Quyết định đầu tư		Luỹ kế khối lượng hoàn thành từ KC đến hết 31/12/2017	Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2017	Thực hiện kế hoạch năm 2018					Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án		Dự kiến Kế hoạch năm 2019	
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2018	Khối lượng thực hiện		Giải ngân thanh toán		Tổng số	Trong đó: dự kiến Nợ KLHT đến 31/12/2018	Tổng số	TD: Thanh toán Nợ KLHT
													9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm	9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	15	16	17	18	19	20	21	22	23
4	Khu vực đất đã đã giao cho cửa hàng vật tư nông nghiệp	C		Xã Sốp Cộp		2019	1		1.000,000	-	-	-	-	-	-	-	1.000,000	-	1.000,000	-
5	Sân vận động mới huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp		2019-2020	1		9.000,000	-	-	-	-	-	-	-	9.000,000	-	3.352,500	
*	**Các dự án ngoài khu ở**						1,000		32.443,917	1.113,595	3.000,000	8.010,000	1.500,000	20.300,000	-	8.010,000	7.306,084	-	-	-
a	*Dự án đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng trước 31/12/2017*						-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	*Dự án (hoặc hạng mục dự án) dự kiến hoàn thành năm 2018*						-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	*Dự án chuyển tiếp đang thi công dở dang*								*32.443,917*	*1.113,595*	*3.000,000*	*8.010,000*	*1.500,000*	*20.300,000*	-	*8.010,000*	*7.306,084*	-	-	-
1	Bãi đỗ xe tĩnh khu trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	5000m2	2018-2019	1	1122, 29/9/2017	3.519,033	1.113,595	3.000,000	500,000	500,000	2.300,000	-	500,000				
2	Hệ thống đường nội bộ khu trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp (áp phan)	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	4,5km	2018-2019	1	1292. 30/10/2017	14.598,800	-		4.000,000	-	14.000,000	-	4.000,000				
3	Nâng cấp Đường Mường Vả-Nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Vả - Nậm Lạnh	4km	2018-2020	1	289, 21/3/2018	14.326,084	-		3.510,000	1.000,000	4.000,000	-	3.510,000	7.306,084			-
d	*Dự án khởi công mới năm 2019*						*1*		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**						69		233.568,138	48.065,472	61.664,968	38.150,000	22.634,964	57.413,694	32.628,289	38.088,908	128.326,766	9.277,906	56.070,000	9.386,231
II.1	Chương trình 30a						*28*		120.962,315	16.663,349	29.348,618	17.966,000	9.277,330	32.730,957	14.401,066	17.966,000	68.307,898	8.240,497	35.200,000	8.240,497
1	**Hoàn trả vốn sự nghiệp 30a theo KL kiểm toán nhà nước**								6.836,911		6.282,000	554,911	55,911	554,911	55,911	554,911				
2	**Thực hiện các dự án đầu tư**						*28*		114.125,404	16.663,349	23.066,618	17.411,089	9.221,419	32.176,046	14.345,155	17.411,089	68.307,898	8.240,497	35.200,000	8.240,497
a	*Dự án đã hoàn thành bàn giao và đã đưa vào sử dụng trước 31/12/2017*								-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	*Dự án chuyển tiếp đang thi công dở dang dự kiến hoàn thành năm 2018*						*11*		*23.304,748*	*11.335,595*	*14.404,405*	*4.841,000*	*3.261,419*	*9.346,046*	*3.888,880*	*4.841,000*	*3.725,544*	*1.315,045*	*3.070,000*	*1.315,045*
1	Nước sinh hoạt bản Kéo xã Púng Bánh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	Xây dựng đập đầu mối, bể lọc, bể điều hòa, trụ vòi và đường ống	2017-2018	1	961, 24/8/2017	4.233,311	1.778,910	2.048,094	1.215,711	1.000,000	1.450,000	1.000,000	1.215,711	969,506		900,000	-
2	Nước sinh hoạt Nậm Pùn xã Mường Lèo	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lèo	Xây dựng đập đầu mối, bể lọc, bể điều hòa, trụ vòi và đường ống	2017-2018	1	958, 24/8/2017	1.014,817	566,046	800,000	72,092		306,046	38,386	72,092	142,725		-	-
3	Trường tiểu học xã Mường Vả huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Vả	Nhà chức năng 10 phòng	2017-2018	1	963, 24/8/2017	4.994,759	546,237	2.396,821	1.000,000	500,000	3.900,000	592,459	1.000,000	1.597,938	1.049,416	1.500,000	1.049,416
4	Nhà văn hóa bản Cang xã Nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	1	946, 24/8/2017	1.462,268	660,672	775,000	290,000	290,000	590,000	290,000	290,000	397,268	185,672	390,000	185,672
5	Nhà văn hóa bản Mường Lạn xã Mường Lạn	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	1	926a, 17/8/2017	1.452,785	653,054	775,000	460,000	271,000	590,000	460,000	460,000	217,785		200,000	-
6	Nhà văn hóa bản Sam Kha xã Sam Kha	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	1	945, 24/8/2017	1.570,515	994,957	775,000	700,000	213,419	560,000	576,983	700,000	95,515	79,957	80,000	79,957
7	Nhà văn hóa bản Pom Khăng xã Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	1	945, 24/8/2017	1.212,771	387,330	775,000	343,465	185,000	700,000	327,126	343,465	94,306		-	-

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 03

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự án (A/B/C)	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số dự án	Quyết định đầu tư		Luỹ kế khối lượng hoàn thành từ KC đến hết 31/12/2017	Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2017	Thực hiện kế hoạch năm 2018					Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án		Dự kiến Kế hoạch năm 2019	
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2018	Khối lượng thực hiện		Giải ngân thanh toán		Tổng số	Trong đó: dự kiến Nợ KLHT đến 31/12/2018	Tổng số	TĐ: Thanh toán Nợ KLHT
													9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm	9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	15	16	17	18	19	20	21	22	23
8	Nhà văn hóa bản Nà Đìa xã Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	1	944, 24/8/2017	1.196,453	339,929	775,000	289,708	590,000	850,000	213,937	289,708	131,745			-
9	Nhà văn hóa bản Nà Sài xã Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	1	947, 24/8/2017	1.317,924	893,114	775,000	464,168	212,000	400,000	384,133	464,168	78,756			-
10	Nhà lớp học 01T 02P trường mầm non Hoa Hồng bản Nà Đìa xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp		2016-2017	1	1998, 21/10/2015	1.104,941	1.085,529	1.083,284	2,245			2,245	2,245				
11	Thủy Lợi Na Sù bản Mường Vả Xã Mường Vả, huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Vả		2016-2017	1	2146, 30/10/2015	3.744,204	3.429,817	3.426,206	3,611			3,611	3,611				
c	***Dự án (hoặc hạng mục dự án) đang thi công dở dang***	*C*					*7*		*57.664,806*	*5.327,754*	*8.662,213*	*12.570,089*	*5.960,000*	*22.830,000*	*10.456,275*	*12.570,089*	*31.426,504*	*6.925,452*	*20.250,000*	*6.925,452*
1	Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ xã Sốp Cộp huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	3 tầng 6 phòng học, 1 phòng GDTC, 5 phòng HC	2017-2019	1	964, 24/8/2017	10.795,356	3.610,933	4.180,000	2.446,000	1.000,000	6.000,000	1.068,560	2.446,000	4.169,356	2.984,933	4.000,000	2.984,933
2	Trường THCS xã Dồm Cang	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồm Cang	Nhà đa năng, phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ	2017-2019	1	959, 24/8/2017	8.866,123	1.716,821	4.482,213	1.500,000	1.700,000	5.400,000	1.167,870	1.500,000	2.883,910	1.134,608	2.650,000	1.134,608
3	Nâng cấp Đường Mường Vả-Nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Vả - Nậm Lạnh	4km	2018-2020	1	289, 21/3/2018	14.326,084	-		1.740,000	1.000,000	4.000,000	1.590,594	1.740,000	9.076,084	2.260,000	5.000,000	2.260,000
4	Nâng cấp Đường Nậm Lạnh-Dồm Cang	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh - Dồm Cang	4km	2018-2020	1	288, 21/3/2018	14.618,730	-		3.654,089	1.000,000	4.000,000	3.486,470	3.654,089	9.468,641	345,911	5.000,000	345,911
5	Đường giao thông ngã ba Pu Sút đi Phà Thòong xã Sam Kha (Hạng mục 02 cầu tràn)	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	02 cầu tràn	2018-2019	1	372, 06/04/2018	6.403,465	-		2.300,000	800,000	2.500,000	2.261,005	2.300,000	4.103,465	200,000	2.000,000	200,000
6	Nhà văn hóa bản Tông xã Mường Vả	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Vả	Nhà xây 04 gian cấp IV	2018-2019	1	348, 29/3/2018	1.330,851	-		460,000	230,000	460,000	437,190	460,000	870,851	-	800,000	-
7	Nhà văn hóa bản Phiêng ban xã Púng Bánh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	Nhà xây 04 gian cấp IV	2018-2019	1	349, 29/3/2018	1.324,197	-		470,000	230,000	470,000	444,586	470,000	854,197	-	800,000	-
d	***Dự án khởi công mới năm 2019***						*10*	-	*33.155,850*	-	-	-	-	-	-	-	*33.155,850*	-	*11.880,000*	-
1	Nâng cấp Nước sinh hoạt bản Co xã Púng Bánh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	102 hộ	2019-2020	1		901,647	-	-	-	-	-	-	-	901,647	-	330,000	
2	Nhà truyền nhiễm thuộc bệnh viện đa khoa huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	2 tầng 10 buồng và các hạng mục phụ trợ	2019-2020	1		2.500,000	-	-	-	-	-	-	-	2.500,000	-	880,000	
3	Nhà văn hóa bản Cang Kéo xã nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		1.468,846	-	-	-	-	-	-	-	1.468,846	-	550,000	
4	Nhà văn hóa bản Mới xã Nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		1.558,098	-	-	-	-	-	-	-	1.558,098	-	600,000	
5	Thủy lợi bản Púng Báng xã Sam Kha	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	05 ha	2018-2020	1		2.687,222	-	-	-	-	-	-	-	2.687,222	-	940,000	
6	Nâng cấp nước sinh hoạt liên bản: Co Đứa - Nà Nghè - Huổi Hùm - Tông xã Mường Vả	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Vả	332 hộ	2019-2020	1		1.213,749	-	-	-	-	-	-	-	1.213,749	-	430,000	
7	Nước sinh hoạt bản Sam Kha xã Sam Kha	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	102 hộ	2019-2020	1		382,000	-	-	-	-	-	-	-	382,000	-	150,000	
8	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường mầm non Hoa Phượng Đỏ xã Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	02 tầng 6 phòng	2018-2020	1		6.306,265	-	-	-	-	-	-	-	6.306,265	-	2.300,000	
9	Nhà văn hóa Huổi My xã Sam Kha	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	Nhà xây 04 gian cấp III	2018-2020	1		1.647,023	-	-	-	-	-	-	-	1.647,023	-	600,000	
10	Đường giao thông Mường Lèo - Sam Quảng (Đoạn Mường Lèo - Huổi Phúc)	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lèo	8,5km	2019-2020	1		14.491,000		-	-	-	-	-	-	14.491,000	-	5.100,000	
II.2	**Chương trình 135**						13		50.672,039	13.901,609	11.701,806	8.923,000	4.403,985	9.700,298	8.571,281	8.923,000	30.409,831	430,000	7.000,000	430,000

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 03

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự án (A/B/C)	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số dự án	Quyết định đầu tư		Luỹ kế khối lượng hoàn thành từ KC đến hết 31/12/2017	Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2017	Thực hiện kế hoạch năm 2018					Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án		Dự kiến Kế hoạch năm 2019	
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2018	Khối lượng thực hiện		Giải ngân thanh toán		Tổng số	Trong đó: dự kiến Nợ KLHT đến 31/12/2018	Tổng số	TĐ: Thanh toán Nợ KLHT
													9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm	9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18	19	20	21	22	23
a	***Dự án đã hoàn thành bàn giao và đã đưa vào sử dụng trước 31/12/2017***						***4***		***14.700,208***	***13.901,609***	***11.701,806***	***2.156,702***	-	-	***2.156,702***	***2.156,702***	-	-	-	-
1	Nhà lớp học, nhà công vụ giáo viên tiểu học Điểm trường bản Huổi Luông xã Mường Lèo	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lèo	5 phòng học, 3 phòng công vụ	2016-2017	1	2127, 28/10/2015	3.551,569	3.431,978	2.620,000	768,877			768,877	768,877				
2	Đường điện từ bản Tìa - bản Huổi Sang xã Sam Kha	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	35 hộ	2016-2017	1	150, 21/01/2016	4.282,549	3.833,414	3.447,214	386,200			386,200	386,200				
3	Thủy lợi Huổi Nó - Lọng Phát xã Dồm Cang	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồm Cang	Xây dựng đập đầu mối 15m, tuyến kênh dài 2,5km cung cấp tưới cho khoảng 12 ha	2016-2017	1	1981, 19/10/2015	2.453,524	2.383,389	1.984,000	399,389			399,389	399,389				
4	Đập thủy lợi Co Ly Bản Khá - xã Mường Lạn	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	12 ha	2016-2017	1	2130, 29/10/2015	4.412,566	4.252,828	3.650,592	602,236			602,236	602,236				
b	***Dự án chuyển tiếp đang thi công dở dang dự kiến hoàn thành năm 2018***								-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	***Dự án (hoặc hạng mục dự án) đang thi công dở dang***						***6***		***27.803,831***	-	-	***6.766,298***	***4.403,985***	***9.700,298***	***6.414,579***	***6.766,298***	***22.241,831***	***430,000***	***3.600,000***	***430,000***
1	Kênh thủy lợi Nà Heo bản Phiêng Pen xã Mường Lạn	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	10 ha	2018-2019	1	373, 06/4/2018	1.625,998			570,000	520,967	800,000	520,967	570,000	1.055,998	230,000	1.000,000	230,000
2	Đường điện Co Hịnh - Pá Hốc xã Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Trạm biến áp, đường dây cấp điện cho 62 hộ	2018-2019	1	296, 26/3/2018	6.764,040	-	-	2.700,298	500,000	2.700,298	2.510,594	2.700,298	6.764,040	-		-
3	Nhà văn hóa bản Pá Vai xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	Nhà xây 04 gian cấp IV	2018-2019	1	295, 23/3/2018	1.421,265			550,000	494,518	600,000	494,518	550,000	871,265	50,000	800,000	50,000
4	Nhà văn hóa bản Men xã Dồm Cang	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồm Cang	Nhà xây 04 gian cấp IV	2018-2019	1	350, 29/3/2018	1.384,863			550,000	492,500	600,000	492,500	550,000	834,863	50,000	800,000	50,000
5	Đường vào khu sản xuất bản Nậm Tìa xã Sam Kha	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	3,8km	2018-2020	1	374, 06/4/2018	1.988,935			900,000	900,000	1.000,000	900,000	900,000	1.088,935	100,000	1.000,000	100,000
6	Nâng cấp Đường Nậm Lạnh-Dồm Cang	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh - Dồm Cang	4km	2018-2020	1	288, 21/3/2018	14.618,730	-		1.496,000	1.496,000	4.000,000	1.496,000	1.496,000	11.626,730			
d	***Dự án khởi công mới năm 2019***						***3***		***8.168,000***	-	-	-	-	-	-	-	***8.168,000***	-	***3.400,000***	-
1	Kênh thủy lợi Phai Héo Nà Lứa xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và		2019-2020	1		2.950,000								2.950,000	-	1.500,000	
2	Nhà văn hóa bản Huổi Dồm xã Dồm Cang	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồm Cang	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		1.300,000	-	-	-	-	-	-	-	1.300,000	-	500,000	
3	Nước sinh hoạt bản Liếng - bản Lún xã Púng Bánh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	322 hộ và 7 nền HTXH	2019-2020	1		3.918,000	-	-	-	-	-	-	-	3.918,000	-	1.400,000	
II.3	**Chương trình NTM**						**28**		**61.933,784**	**17.500,514**	**20.614,544**	**11.261,000**	**8.953,649**	**14.982,439**	**9.655,942**	**11.199,908**	**29.609,037**	**607,409**	**13.870,000**	**715,734**
a	***Dự án đã hoàn thành bàn giao và đã đưa vào sử dụng trước 31/12/2017***								-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	***Dự án (hoặc hạng mục dự án) dự kiến hoàn thành năm 2018***	*C*					***15***		***28.877,254***	***17.500,514***	***20.614,544***	***6.401,675***	***4.750,409***	***9.582,439***	***5.452,702***	***6.340,583***	***1.411,832***	***66,734***	***200,000***	***66,734***
1	Nhà văn hóa bản Sốp Nậm xã Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	1	889, 08/8/2017	1.724,174	809,347	1.358,957	300,000	200,000	849,610	50,525	300,000	65,217	-	-	-
2	Nhà văn hóa bản Huổi Khăng xã Sốp cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp cộp	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	1	890, 08/8/2017	1.365,044	443,877	1.170,000	80,021	200,000	806,144	67,997	80,021	115,023	-	-	-
3	Nhà văn hóa bản Ban xã Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	1	885, 07/8/2017	1.278,183	303,567	1.170,000	29,106	300,000	895,539	20,052	29,106	79,077	-	-	-
4	Nhà văn hóa bản Co Pồng xã Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp cộp	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	1	884, 07/8/2017	1.273,068	1.178,357	1.170,000	9,015	137,088	0,658		9,015	94,053	-	-	-

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 03

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự án (A/B/C)	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số dự án	Quyết định đầu tư		Luỹ kế khối lượng hoàn thành từ KC đến hết 31/12/2017	Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2017	Thực hiện kế hoạch năm 2018					Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án		Dự kiến Kế hoạch năm 2019	
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2018	Khối lượng thực hiện		Giải ngân thanh toán		Tổng số	Trong đó: dự kiến Nợ KLHT đến 31/12/2018	Tổng số	TĐ: Thanh toán Nợ KLHT
													9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm	9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18	19	20	21	22	23
5	Nhà văn hóa bản Nà Nó xã Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	1	897, 08/8/2017	1.277,424	332,157	1.170,000	18,411	300,000	856,254	5,814	18,411	89,013	-	-	-
6	Nước sinh hoạt bản Bánh xã Púng Bánh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	Cung cấp nước cho 170 hộ	2017-2018	1	898, 09/8/2017	2.520,906	1.266,734	1.150,000	1.250,000	900,000	1.200,000	1.187,186	1.250,000	120,906	66,734	100,000	66,734
7	Thủy lợi Nà Khoang Bản Nà Khoang - xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	Xây dựng đập đầu mối 20m, tuyến kênh 1,2km	2017-2018	1	899, 09/8/2017	3.876,615	1.176,079	1.750,000	1.877,855	960,000	2.451,776	1.669,134	1.877,855	248,760	-	100,000	
8	Nhà văn hóa bản Huổi sang xã Sam kha	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	1	886, 07/8/2017	1.473,529	857,704	680,000	616,406		438,702	603,284	616,406	177,123	-	-	-
9	Trường mầm non Hoa Hồng	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	05 phòng hành chính	2017-2018	1	888, 07/8/2017	2.514,906	1.128,000	1.116,331	1.079,769	1.067,623	1.068,100	1.067,347	1.079,769	318,806	-	-	-
10	Thủy lợi Lạnh Bánh (Phai Bon) xã Nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	05 ha	2017-2018	1	900, 09/8/2017	1.363,096	651,640	650,000	650,000	390,000	648,360	382,388	650,000	63,096	-	-	-
11	Sân cổng tường rào trường PTDTBT THCS Nà Khoang xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	xã Mường Và	Sân, cổng, tường rào	2017-2018	1	887, 07/8/2017	970,758	562,704	500,000	430,000	295,698	367,296	350,151	430,000	40,758	-	-	-
12	Nhà lớp học, Nhà công vụ giáo viên tiểu học điểm trường bản Huổi Luông, xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lèo		2016-2017	1	2127, 28/10/2015	3.551,569	3.431,978	3.388,877	43,101			30,833					
13	Thủy lợi Cang Cói - Phai Huổi Chun, xã Mường Lạn	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn		2016-2017	1	2111, 28/10/2015	1.760,108	1.739,440	1.728,719	10,721			10,721					
14	Nước sinh hoạt bản Dồm - Nà Khà xã Dồm Cang	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồm Cang		2016-2017	1	2137, 29/10/2015	1.997,600	1.885,203	1.884,107	1,096			1,096					
15	Nước sinh hoạt bản Nà Han xã Nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh		2016-2017	1	2133, 29/10/2015	1.930,274	1.733,727	1.727,553	6,174			6,174					
c	***Dự án thi công dở dang***						***5***		***10.916,352***	-	-	***4.859,325***	***4.203,240***	***5.400,000***	***4.203,240***	***4.859,325***	***6.057,027***	***540,675***	***5.800,000***	***649,000***
1	Thủy lợi cụm Nà Phát xã Mường Lạn	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	Xây dựng đập đầu mối, tuyến kênh	2018-2019	1	358, 31/3/2018	3.136,961			1.230,000	1.170,205	1.500,000	1.170,205	1.230,000	1.906,961	270,000	1.800,000	270,000
2	Thủy lợi Nà Pù Luông bản Huổi Dương xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	Xây dựng đập đầu mối, tuyến kênh	2018-2019	1	356, 31/3/2018	3.555,402			1.608,325	1.353,796	1.500,000	1.353,796	1.608,325	1.947,077	(108,325)	1.900,000	
3	Kênh bản Dồm đến UBND xã Dồm Cang	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồm Cang	Sửa chữa cổng lấy nước, kênh tưới	2018-2019	1	286, 21/3/2018	947,151			550,000	400,000	600,000	400,000	550,000	397,151	50,000	350,000	50,000
4	NSH bản Phá Thông xã Púng Bánh, huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	Xây dựng đập đầu mối, bể lọc, bể điều hòa trụ vòi và đường ống	2018-2019	1	357, 31/3/2018	755,468			500,000	324,463	600,000	324,463	500,000	255,468	100,000	250,000	100,000
5	Nước sinh hoạt bản Sang Quảng xã Mường Lèo	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lèo	Xây dựng đập đầu mối, bể lọc, bể điều hòa trụ vòi và đường ống	2018-2019	1	285, 21/3/2018	2.521,370			971,000	954,776	1.200,000	954,776	971,000	1.550,370	229,000	1.500,000	229,000
d	***Dự án khởi công mới năm 2019***						***8***		***22.140,178***	-	-	-	-	-	-	-	***22.140,178***	-	***7.870,000***	-
1	Thủy lợi phai Púng bản Púng xã Púng Bánh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã púng Bánh	Xây dựng đập đầu mối, tuyến kênh	2019-2020	1		3.345,055	-	-	-	-	-	-	-	3.345,055	-	1.170,000	
2	Nước sinh hoạt bản Nong Lanh - Sốm Pói xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường và	Xây dựng đập đầu mối, bể lọc, bể điều hòa trụ vòi và đường ống	2019-2020	1		4.100,666	-	-	-	-	-	-	-	4.100,666	-	1.500,000	
3	Thủy lợi Huổi Si Gian bản Phiêng Ben xã Mường Lạn	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	Xây dựng đập đầu mối, tuyến kênh	2019-2020	1		2.925,034	-	-	-	-	-	-	-	2.925,034	-	1.050,000	
4	Kênh mương Nọi bản Cang xã Dồm Cang	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồm Cang	Xây dựng tuyến kênh	2019-2020	1		799,998	-	-	-	-	-	-	-	799,998	-	300,000	
5	Nhà văn hóa bản Nậm Tia xã Sam Kha	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		1.600,000	-	-	-	-	-	-	-	1.600,000	-	560,000	
6	Thủy lợi phai Nà Nam bản Cọ xã Púng Bánh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	Xây dựng đập đầu mối, tuyến kênh	2019-2020	1		4.697,105	-	-	-	-	-	-	-	4.697,105	-	1.650,000	

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự án (A/B/C)	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số dự án	Quyết định đầu tư		Luỹ kế khối lượng hoàn thành từ KC đến hết 31/12/2017	Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2017	Thực hiện kế hoạch năm 2018					Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án		Dự kiến Kế hoạch năm 2019	
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2018	Khối lượng thực hiện		Giải ngân thanh toán		Tổng số	Trong đó: dự kiến Nợ KLHT đến 31/12/2018	Tổng số	TĐ: Thanh toán Nợ KLHT
													9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm	9 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	15	16	17	18	19	20	21	22	23
7	Thủy lợi bản Nậm Lạnh xã Nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	Xây dựng đập đầu mối, tuyến kênh	2019-2020	1		2.445,320	-	-	-	-	-	-	-	2.445,320	-	860,000	
8	Thủy lợi Huổi Na Co Men bản Huổi Yên xã Dồm Cang	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồm Cang	6 ha	2019-2020	1		2.227,000	-	-	-	-	-	-	-	2.227,000	-	780,000	
C	**NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**						**8**		**437.794,401**	**242.556,327**	**223.493,725**	**18.428,000**	**12.300,000**	**26.500,000**	**13.344,877**	**18.428,000**	**195.872,676**	**29.247,823**	**114.782,865**	**36.147,823**
I	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**						**3**	0	**48.859,694**	**3.247,369**	7.000,000	**10.700,000**	**9.800,000**	**19.000,000**	**10.700,000**	**10.700,000**	**31.159,694**	**4.547,369**	**18.700,000**	**11.447,369**
a	***Dự án đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng trước 31/12/2017***								-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	***Dự án (hoặc hạng mục dự án) dự kiến hoàn thành năm 2018***						*1*		***19.940,000***	***3.247,369***	***7.000,000***	***6.000,000***	***8.000,000***	***14.000,000***	***6.000,000***	***6.000,000***	***6.940,000***	***4.247,369***	***6.500,000***	***4.247,369***
1	Khu chôn lấp và xử lý chất thải rắn huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Đường giao thông, san ền, đập chắn, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý rác	2017-2019	1	2523, 28/10/2016	19.940,000	3.247,369	7.000,000	6.000,000	8.000,000	14.000,000	6.000,000	6.000,000	6.940,000	4.247,369	6.500,000	4.247,369
c	***Dự án chuyển tiếp đang thi công dở dang***						*1*		***11.919,694***	-	-	***4.700,000***	***1.800,000***	***5.000,000***	***4.700,000***	***4.700,000***	***7.219,694***	***300,000***	***7.200,000***	***7.200,000***
1	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Huổi Men, xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	San nền, đường nội bộ, NSH, điện sinh hoạt	2018-2020	1	1278, 25/10/2017	11.919,694			4.700,000	1.800,000	5.000,000	4.700,000	4.700,000	7.219,694	300,000	7.200,000	7.200,000
d	***Dự án khởi công mới năm 2019***						**1**		***17.000,000***	-	-	-	-	-	-	-	***17.000,000***	-	***5.000,000***	-
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp		2019-2020	1		17.000,000	-	-	-	-	-	-	-	17.000,000	-	5.000,000	-
II	**NGUỒN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI HUYỆN SỐP CỘP (ĐỀ ÁN 1584)**						**3**		**102.430,735**	**76.520,858**	78.287,460	7.728,000	**2.500,000**	7.500,000	**2.644,877**	**7.728,000**	**16.415,275**	**118,619**	**6.118,619**	**118,619**
a	***Dự án đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng trước 31/12/2017***						*1*		***58.541,000***	***57.709,720***	***57.393,101***	***198,000***	-	-	***198,000***	***198,000***	***949,899***	***118,619***	***118,619***	***118,619***
1	Cầu Nậm Lạnh, Nậm Ca huyện Sốp Cộp	C	UBND huyện Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp	02 cầu cứng		1	1171, 31/12/2014	58.541,000	57.709,720	57.393,101	198,000	-	-	198,000	198,000	949,899	118,619	118,619	118,619
b	***Dự án (hoặc hạng mục dự án) dự kiến hoàn thành năm 2018***						*1*		***29.019,735***	***18.811,138***	***20.894,359***	***7.530,000***	***2.500,000***	***7.500,000***	***2.446,877***	***7.530,000***	***595,376***	-	-	-
1	Hệ thống đường nội bộ khu trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Nền, mặt đường, hè phố, rãnh dọc, hố thu, cống ngang đường, tường chắn	2016-2018	1	3042, 04/12/2015	29.019,735	18.811,138	20.894,359	7.530,000	2.500,000	7.500,000	2.446,877	7.530,000	595,376			
c	***Dự án chuyển tiếp đang thi công dở dang***								-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
d	***Dự án khởi công mới năm 2019***						**1**		***14.870,000***	-	-	-	-	-	-	-	***14.870,000***	-	***6.000,000***	-
1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp		2019-2020	1	2514, 26/10/2015	14.870,000	-	-	-	-	-	-	-	14.870,000	-	6.000,000	-
II	**NGUỒN THU TỪ ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH**						**2**		**286.503,972**	**162.788,100**	**138.206,265**	-	-	-	-	-	**148.297,707**	**24.581,835**	**89.964,246**	**24.581,835**
a	***Dự án đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng trước 31/12/2017***								-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	***Dự án (hoặc hạng mục dự án) dự kiến hoàn thành năm 2018***						*2*		***286.503,972***	***162.788,100***	***138.206,265***	-	-	-	-	-	***148.297,707***	***24.581,835***	***89.964,246***	***24.581,835***
1	- Đường TT Sốp Cộp - cửa khẩu Lạnh Bánh (Km 7 - - 31)	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	24 Km	2016-2018	1	1296A, 09/7/10	163.525,499	77.530,918	63.220,187						100.305,312	14.310,731	50.000,000	14.310,731
2	Đường giao thông Sốp Cộp - Púng Bánh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp - Dồm Cang -	18km	2015-2018	1	2938, 31/10/2014	122.978,473	85.257,182	74.986,078						47.992,395	10.271,104	39.964,246	10.271,104

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 04

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI TRONG KẾ HOẠCH 2019

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /9/2018 của UBND huyện Sốp Cộp)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự án (A/B/C)	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số dự án	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch năm 2019	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
									Tổng số	*Trong đó: NSTW*		
	TỔNG SỐ						**30**		**113.534,028**		**40.831,742**	
A	**NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**						**7**		**18.200,000**		**6.681,742**	
I	**BSCĐ TỈNH ỦY QUYỀN HUYỆN PHÂN BỔ**						**1**		**2.000,000**		**500,000**	
1	Nhà Văn hóa xã Mường Lạn	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		2.000,000		500,000	lồng ghép vốn
II	**HỖ TRỢ CÁC XÃ BIÊN GIỚI THEO QUYẾT ĐỊNH 160**						**2**		**2.500,000**		**1.181,742**	
1	Nhà Văn hóa bản Pá Vai xã Nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		1.300,000		500,000	
2	Nhà văn hóa bản Huổi Lầu xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		1.200,000		500,000	
3	Nhà Văn hóa xã Mường Lạn	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		2.000,000		181,742	lồng ghép vốn
III	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP CHO HUYỆN**						**4**		**13.700,000**	-	**5.000,000**	
1	Nhà văn hóa Nà Khoang xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		1.200,000		500,000	
2	Trường tiểu học Khoang Cáp xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và (Bản Phá Thóng, Huổi Dương, Pá Vai)	5 phòng học,5 phòng công vụ, hạng mục phụ trợ (Pá Vai 1 phòng học, 02 công vụ; Phá Thoong 2 phòng học, 2 phòng công vụ; Huổi Dương 2 phòng học, 1 phòng công vụ)	2019-2020	1		4.500,000		1.600,000	
3	Trường PTDT bán trú THCS Nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	Dãy nhà hỗn hợp gồm: 4 phòng học 4 phòng bộ môn; dãy nhà đa năng	2019-2020	1		7.000,000		2.500,000	
4	Trụ sở làm việc công an xã Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Nhà xây ghép 05 gian	2019-2020	1		1.000,000		400,000	

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 04

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự án (A/B/C)	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Dự kiến kế hoạch năm 2019	Ghi chú
									Tổng số	*Trong đó: NSTW*		
	TỔNG SỐ						**30**		**113.534,028**		**40.831,742**	
B	**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**						**21**		**63.464,028**		**23.150,000**	
I	**Chương trình 30a**						**10**		**33.155,850**	-	**11.880,000**	
1	Nâng cấp Nước sinh hoạt bản Cọ xã Púng Bánh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	102 hộ	2019-2020	1		901,647		330,000	
2	Nhà truyền nhiễm thuộc bệnh viện đa khoa huyện Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	2 tầng 10 buồng và các hạng mục phụ trợ	2019-2020	1		2.500,000		880,000	
3	Nhà văn hóa bản Cang Kéo xã nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		1.468,846		550,000	
4	Nhà văn hóa bản Mới xã Nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		1.558,098		600,000	
5	Thủy lợi bản Púng Báng xã Sam Kha	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	05 ha	2018-2020	1		2.687,222		940,000	
6	Nâng cấp nước sinh hoạt liên bản: Co Đứa - Nà Nghè - Huổi Hùm - Tông xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	332 hộ	2019-2020	1		1.213,749		430,000	
7	Nước sinh hoạt bản Sam Kha xã Sam Kha	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	102 hộ	2019-2020	1		382,000		150,000	
8	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường mầm non Hoa Phượng Đỏ xã Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	02 tầng 6 phòng	2018-2020	1		6.306,265		2.300,000	lồng ghép 2.000 tr vốn 135
9	Nhà văn hóa Huổi My xã Sam Kha	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	Nhà xây 04 gian cấp III	2018-2020	1		1.647,023		600,000	
10	Đường giao thông Mường Lèo - Sam Quàng (Đoạn Mường Lèo - Huổi Phúc)	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lèo	8,5km	2019-2020	1		14.491,000		5.100,000	
II	**Chương trình 135**						**3**		**8.168,000**	-	**3.400,000**	
1	Kênh thủy lợi Phai Héo Nà Lửa xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và		2019-2020	1		2.950,000		1.500,000	
2	Nhà văn hóa bản Huổi Dồm xã Dồm Cang	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồm Cang	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		1.300,000		500,000	

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 04

TT	Danh mục dự án	Nhóm Dự án (A/B/C)	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Dự kiến kế hoạch năm 2019	Ghi chú
									Tổng số	*Trong đó: NSTW*		
	TỔNG SỐ						**30**		**113.534,028**		**40.831,742**	
3	Nước sinh hoạt bản Liềng - bản Lùn xã Púng Bánh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	322 hộ và 7 nền HTXH	2019-2020	1		3.918,000		1.400,000	
III	**Chương trình NTM**						**8**		**22.140,178**	-	**7.870,000**	
1	Thủy lợi phai Púng bản Púng xã Púng Bánh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã púng Bánh	Xây dựng đập đầu mối, tuyến kênh	2019-2020	1		3.345,055		1.170,000	
2	Nước sinh hoạt bản Nong Lanh - Sốm Pói xã Mường Và	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường và	Xây dựng đập đầu mối, bể lọc, bể điều hòa trụ vòi và đường ống	2019-2020	1		4.100,666		1.500,000	
3	Thủy lợi Huổi Si Gian bản Phiêng Ben xã Mường Lạn	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	Xây dựng đập đầu mối, tuyến kênh	2019-2020	1		2.925,034		1.050,000	
4	Kênh mương Nọi bản Cang xã Dồm Cang	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồm Cang	Xây dựng tuyến kênh	2019-2020	1		799,998		300,000	
5	Nhà văn hóa bản Nậm Tia xã Sam Kha	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020	1		1.600,000		560,000	
6	Thủy lợi phai Nà Nam bản Cọ xã Púng Bánh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	Xây dựng đập đầu mối, tuyến kênh	2019-2020	1		4.697,105		1.650,000	
7	Thủy lợi bản Nậm Lạnh xã Nậm Lạnh	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	Xây dựng đập đầu mối, tuyến kênh	2019-2020	1		2.445,320		860,000	
8	Thủy lợi Huổi Na Co Men bản Huổi Yên xã Dồm Cang	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồm Cang	6 ha	2019-2020	1		2.227,000		780,000	
C	**NGÂN SÁCH TỈNH**						**2**		**31.870,000**		**11.000,000**	
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Sốp Cộp	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	0	2019-2020	1		17.000,000		5.000,000	
2	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	C	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	0	2019-2020	1	2514, 26/10/2015	14.870,000		6.000,000	

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 05

KẾ HOẠCH SỰ NGHIỆP HỖ TRỢ THỰC HIỆN THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN ĐÃ ĐƯỢC DUYỆT

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /9/2018 của UBND huyện Sốp Cộp)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình, dự án	Đơn vị tính	Trong đó năm 2017	Thực hiện kế hoạch năm 2018					Nhu cầu còn thiếu		Ghi chú
				Kế hoạch 2018	TH 9 tháng đầu năm		Ước thực hiện cả năm		Tổng số	Kế hoạch 2019	
					Khối lượng thực hiện	Giải ngân thanh toán	Khối lượng thực hiện	Giải ngân thanh toán			
	TỔNG SỐ		**15.589,000**	**17.681,000**	**4.191,959**	**4.270,959**	**17.681,000**	**17.681,000**	**26.346,260**	**19.449,100**	
A	**Chương trình giảm nghèo bền vững đầu tư huyện nghèo theo Nghị quyết 30a**		**10.532,000**	**11.561,000**	**2.088,459**	**2.167,459**	**11.561,000**	**11.561,000**	**17.098,460**	**12.717,100**	
1	Hỗ trợ sản xuất	Triệu đồng	8.774,000	9.539,000	931,459	931,459	9.539,000	9.539,000	10.492,900	10.492,900	
2	Hỗ trợ đầu tư sửa chữa hạ tầng	Triệu đồng	1.758,000	1.261,000	1.157,000	1.236,000	1.261,000	1.261,000	5.768,460	1.387,100	
3	Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn mước ngoài	Triệu đồng	-	761,000	-	-	761,000	761,000	837,100	837,100	
B	**Chương trình giảm nghèo bền vững đầu tư theo chương trình 135**		**2.469,000**	**2.738,000**	**562,000**	**562,000**	**2.738,000**	**2.738,000**	**5.527,600**	**3.011,800**	
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	Triệu đồng	2.313,400	2.176,000	-	-	2.176,000	2.176,000	2.393,600	2.393,600	
2	Duy tu bảo dưỡng	Triệu đồng	155,600	562,000	562,000	562,000	562,000	562,000	3.134,000	618,200	
C	**Chương trình MTQG NTM**		**2.588,000**	**3.382,000**	**1.541,500**	**1.541,500**	**3.382,000**	**3.382,000**	**3.720,200**	**3.720,200**	
1	Tập huấn, duy tu bảo dưỡng		453,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	387,200	387,200	
2	Phát triển sản xuất, dịch vụ, nâng cao thu nhập của người dân	Triệu đồng	1.072,400	1.605,000	997,500	997,500	1.605,000	1.605,000	1.765,500	1.765,500	
3	Đào tạo nghề cho người lao động	Triệu đồng	237,600	593,000	-	-	593,000	593,000	652,300	652,300	
4	Giáo dục và đào tạo	Triệu đồng	500,000	400,000	-	-	400,000	400,000	440,000	440,000	
5	Thiết chế văn hóa	Triệu đồng	300,000	432,000	192,000	192,000	432,000	432,000	475,200	475,200	
6	Quản lý, kiểm tra, giám sát	Triệu đồng	25,000	-	-	-	-	-	-	-	

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 06

KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /9/2018 của UBND huyện Sốp Cộp)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2017	Kế hoạch năm 2018		Kế hoạch 2019	Mục tiêu cụ thể đến năm 2020	Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện			
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**							
1	Tỷ lệ hộ nghèo	%	42,08	36,48	36,48	36,48	32,5	
2	Số hộ thoát nghèo	Hộ	871	1040	1040	1040	1150	
3	Số hộ được xóa nhà tạm	Hộ	110	150	150	150	130	
4	Số lao động có việc làm mới	Người	1085	1100	1100	1100	1300	
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**							
1	Số xã đạt chuẩn	Xã	1	1	1	1	1	
2	Số xã đạt trên 15 tiêu chí	Xã	0	0	0	1	2	
3	Số xã đạt trên 10 tiêu chí	Xã	0	1	1	5	4	
4	Số xã đạt dưới 5 tiêu chí	Xã	1	0	0	0	0	
5	Số tiêu chí đạt được bình quân/xã	Tiêu chí	8,1	10,4	10,4	12,8	14,4	
5.1	Quy hoạch	Xã	8	8	8	8	8	
5.2	Giao thông	Xã	1	2	2	4	4	
5.3	Thủy lợi	Xã	7	8	8	8	8	
5.4	Điện	Xã	3	5	5	8	8	
5.5	Trường học	Xã	1	2	2	4	6	
5.6	Cơ sở vật chất văn hóa	Xã	1	1	1	2	3	
5.7	Chợ	Xã	3	5	5	7	7	
5.8	Bưu điện	Xã	8	8	8	8	8	
5.9	Nhà ở dân cư	Xã	1	2	2	3	3	
5.10	Thu nhập	Xã	1	1	1	1	2	
5.11	Hộ nghèo	Xã	1	1	1	1	2	
5.12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Xã	8	8	8	8	8	
5.13	Hình thức tổ chức sản xuất	Xã	2	4	4	5	7	
5.14	Giáo dục	Xã	6	8	8	8	8	
5.15	Y tế	Xã	5	7	7	7	8	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2017	Kế hoạch năm 2018		Kế hoạch 2019	Mục tiêu cụ thể đến năm 2020	Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện			
5.16	Văn hóa	Xã	1	1	1	2	3	
5.17	Môi trường	Xã	1	2	2	5	7	
5.18	Hệ thống tổ chức chính trị	Xã	1	3	3	5	8	
5.19	An ninh trật tự xã hội	Xã	6	7	7	8	8	

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 07

MỤC TIÊU THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /9/2018 của UBND huyện Sốp Cộp)

TT	Tên xã	Tên tiêu chí																		Số tiêu chí đạt (tiêu chí)
		Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Chợ	Bưu điện	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Hình thức tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	Văn hóa	Môi trường	Hệ thống tổ chức chính trị	An ninh trật tự xã hội	
Số xã đạt từng tiêu chí																				
1	Sốp Cộp	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	**19**
2	Dồm Cang	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	**17**
3	Púng Bánh	Đ	Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ			Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	**14**
4	Nậm Lạnh	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ				Đ		Đ	Đ				Đ	**11**
5	Mường Và	Đ		Đ	Đ	Đ		Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	**13**
6	Mường Lạn	Đ		Đ	Đ			Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	**12**
7	Mường Lèo	Đ		Đ	Đ			Đ	Đ				Đ		Đ	Đ				Đ	**9**
8	Sam Kha	Đ		Đ	Đ				Đ				Đ		Đ					Đ	**7**
Số xã đạt/tiêu chí (xã)		**8**	**4**	**8**	**8**	**4**	**2**	**7**	**8**	**3**	**1**	**1**	**8**	**5**	**8**	**7**	**2**	**5**	**5**	**8**	**102**

Tổng hợp số xã đạt theo nhóm tiêu chí:

Đạt 19 tiêu chí: 01 xã (xã Sốp Cộp)

Đạt từ 15-18 tiêu chí: 01 xã Dồm Cang

Đạt từ 10-14 tiêu chí: 04 xã (gồm: xã Púng Bánh, Mường Lạn, Mường Và, Nậm Lạnh)

Đạt từ 5-9 tiêu chí: 02 xã (gồm: xã Mường Lèo, Sam Kha)

Đạt dưới 5 tiêu chí: 0 xã (gồm:……..)

Ghi chú: Những tiêu chí được bôi đen là tiêu chí dự kiến đạt trong năm kế hoạch

HUYỆN SÓP CỘP

Biểu số 08

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (VỐN SỰ NGHIỆP)

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /9/2018 của UBND huyện Sốp Cộp)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục chương trình	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Đơn vị thực hiện	Thực hiện năm 2018									Nhu cầu vốn còn thiếu để hoàn thành mục tiêu			Dự kiến kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Kế hoạch giao			Đã giải ngân đến 30/9/2018			Ước giải ngân cả năm 2018			Tổng số	Trong đó			
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			ĐTPT	SN		
						ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		ĐTPT	SN					
	TỔNG SỐ				**17.681,000**		**17.681,000**	**4.270,959**		**4.270,959**	17.681,000		17.681,000	**26.346,260**		**26.346,260**	19.449,100	
A	**Chương trình giảm nghèo bền vững đầu tư huyện nghèo theo Nghị quyết 30a**				11.561,000		**11.561,000**	2.167,459		2.167,459	**11.561,000**		**11.561,000**	17.098,460		17.098,460	**12.717,100**	
1	Hỗ trợ sản xuất	Các xã trên địa bàn		Phòng NN&PTNT, UBND các xã	9.539,000		9.539,000	931,459		931,459	9.539,000		9.539,000	10.492,900		10.492,900	10.492,900	
2	Hỗ trợ đầu tư sửa chữa hạ tầng	Các xã trên địa bàn		UBND các xã	1.261,000		1.261,000	1.236,000		1.236,000	1.261,000		1.261,000	5.768,460		5.768,460	1.387,100	
3	Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn nước ngoài	Các xã trên địa bàn		Phòng LĐTB&XH	761,000		761,000	-		-	761,000		761,000	837,100		837,100	837,100	
B	**Chương trình giảm nghèo bền vững đầu tư theo chương trình 135**				**2.738,000**		**2.738,000**	**562,000**		**562,000**	**2.738,000**		**2.738,000**	**5.527,600**		**5.527,600**	**3.011,800**	
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	Các xã trên địa bàn		Phòng NN&PTNT, UBND các xã	2.176,000		2.176,000	-		-	2.176,000		2.176,000	2.393,600		2.393,600	2.393,600	
2	Duy tu bảo dưỡng	Các xã trên địa bàn		UBND các xã	562,000		562,000	562,000		562,000	562,000		562,000	3.134,000		3.134,000	618,200	
C	**Chương trình MTQG NTM**				**3.382,000**		**3.382,000**	**1.541,500**		**1.541,500**	**3.382,000**		**3.382,000**	**3.720,200**		**3.720,200**	**3.720,200**	
	Tập huấn, duy tu bảo dưỡng	Các xã trên địa bàn		Phòng NN&PTNT, UBND các xã	352,000		352,000	352,000		352,000	352,000		352,000	387,200		387,200	387,200	
	Phát triển sản xuất, dịch vụ, nâng cao thu nhập của người dân	Các xã trên địa bàn		Phòng NN&PTNT, UBND các xã	1.605,000		1.605,000	997,500		997,500	1.605,000		1.605,000	1.765,500		1.765,500	1.765,500	

TT	Danh mục chương trình	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Đơn vị thực hiện	Thực hiện năm 2018									Nhu cầu vốn còn thiếu để hoàn thành mục tiêu			Dự kiến kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Kế hoạch giao			Đã giải ngân đến 30/9/2018			Ước giải ngân cả năm 2018							
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
						ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		
	Đào tạo nghề cho người lao động	Các xã trên địa bàn		Phòng NN&PTNT, UBND các xã	593,000		593,000	-		-	593,000		593,000	652,300		652,300	652,300	
	Giáo dục và đào tạo	Các xã trên địa bàn		Phòng NN&PTNT, UBND các xã	400,000		400,000	-		-	400,000		400,000	440,000		440,000	440,000	
	Thiết chế văn hóa	Các xã trên địa bàn		Phòng NN&PTNT, UBND các xã	432,000		432,000	192,000		192,000	432,000		432,000	475,200		475,200	475,200	
	Quản lý, kiểm tra, giám sát	Các xã trên địa bàn		Phòng NN&PTNT, UBND các xã	-		-	-		-	-		-	-		-	-	

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 09

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /9/2018 của UBND huyện Sốp Cộp)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Luỹ kế KLHT từ KC đến 31/12/2017	Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2017	Năm 2018					Nhu cầu vốn còn thiếu để hoàn thành dự án		Kế hoạch 2019		Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Kế hoạch giao	9 tháng đầu năm		ước thực hiện cả năm		Tổng số	Trong đó: dự kiến Nợ KLHT đến 31/12/2018	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ KLHT đến hết 31/12/2018	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Thực hiện	Giải ngân thanh toán	Thực hiện	Giải ngân thanh toán					
	TỔNG SỐ						**233.568,138**	**129.269,172**	**48.065,472**	**61.664,968**	**38.150,000**	**22.634,964**	**32.628,289**	**57.413,694**	**38.088,908**	**128.326,766**	**9.277,906**	**56.070,000**	**9.386,231**	
A	**CT MTQG giảm nghèo bền vững**	-	-	-	-	-	**171.634,354**	**67.335,388**	**30.564,958**	**41.058,424**	**26.889,000**	**13.681,315**	**22.972,347**	**42.431,255**	**26.889,000**	**98.717,729**	**8.670,497**	**42.200,000**	**8.670,497**	
I	**Chương trình 30a**						**120.962,315**	**16.663,349**	**16.663,349**	**29.348,618**	**17.966,000**	**9.277,330**	**14.401,066**	**32.730,957**	**17.966,000**	**68.307,898**	**8.240,497**	**35.200,000**	**8.240,497**	
1	**Hoàn trả vốn sự nghiệp 30a theo KL kiểm toán nhà nước**						**6.836,911**	**6.836,911**	-	**6.282,000**	**554,911**	**55,911**	**55,911**	**554,911**	**554,911**	-	-	-	-	
2	**Thực hiện các dự án đầu tư**						**114.125,404**	**114.125,404**	**16.663,349**	**23.066,618**	**17.411,089**	**9.221,419**	**14.345,155**	**32.176,046**	**17.411,089**	**68.307,898**	**8.240,497**	**35.200,000**	**8.240,497**	
a	***Dự án đã hoàn thành bàn giao và đã đưa vào sử dụng trước 31/12/2017***						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
b	***Dự án chuyển tiếp đang thi công dở dang dự kiến hoàn thành năm 2018***						***23.304,748***	***23.304,748***	***11.335,595***	***14.404,405***	***4.841,000***	***3.261,419***	***3.888,880***	***9.346,046***	***4.841,000***	***3.725,544***	***1.315,045***	***3.070,000***	***1.315,045***	
1	Nước sinh hoạt bản Kéo xã Púng Bánh	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	Xây dựng đập đầu mối, bể lọc, bể điều hòa, trụ vòi và đường ống	2017-2018	961, 24/8/2017	4.233,311	4.233,311	1.778,910	2.048,094	1.215,711	1.000,000	1.000,000	1.450,000	1.215,711	969,506	-	900,000	-	
2	Nước sinh hoạt Nậm Pứn xã Mường Lèo	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lèo	Xây dựng đập đầu mối, bể lọc, bể điều hòa, trụ vòi và đường ống	2017-2018	958, 24/8/2017	1.014,817	1.014,817	566,046	800,000	72,092	-	38,386	306,046	72,092	142,725	-	-	-	
3	Trường tiểu học xã Mường Và huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	Nhà chức năng 10 phòng	2017-2018	963, 24/8/2017	4.994,759	4.994,759	546,237	2.396,821	1.000,000	500,000	592,459	3.900,000	1.000,000	1.597,938	1.049,416	1.500,000	1.049,416	
4	Nhà văn hóa bản Cang xã Nậm Lạnh	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	946, 24/8/2017	1.462,268	1.462,268	660,672	775,000	290,000	290,000	290,000	590,000	290,000	397,268	185,672	390,000	185,672	
5	Nhà văn hóa bản Mường Lạn xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	926a, 17/8/2017	1.452,785	1.452,785	653,054	775,000	460,000	271,000	460,000	590,000	460,000	217,785	-	200,000	-	
6	Nhà văn hóa bản Sam Kha xã Sam Kha	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	945, 24/8/2017	1.570,515	1.570,515	994,957	775,000	700,000	213,419	576,983	560,000	700,000	95,515	79,957	80,000	79,957	
7	Nhà văn hóa bản Pom Khăng xã Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	945, 24/8/2017	1.212,771	1.212,771	387,330	775,000	343,465	185,000	327,126	700,000	343,465	94,306	-	-	-	
8	Nhà văn hóa bản Nà Dia xã Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	944, 24/8/2017	1.196,453	1.196,453	339,929	775,000	289,708	590,000	213,937	850,000	289,708	131,745	-	-	-	
9	Nhà văn hóa bản Nà Sái xã Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	947, 24/8/2017	1.317,924	1.317,924	893,114	775,000	464,168	212,000	384,133	400,000	464,168	78,756	-	-	-	
10	Nhà lớp học 01T 02P trường mầm non Hoa Hồng bản Nà Dia xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	0	2016-2017	1998, 21/10/2015	1.104,941	1.104,941	1.085,529	1.083,284	2,245	-	2,245	-	2,245	-	-	-	-	
11	Thủy Lợi Na Sù bản Mường Và Xã Mường Và, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	0	2016-2017	2146, 30/10/2015	3.744,204	3.744,204	3.429,817	3.426,206	3,611	-	3,611	-	3,611	-	-	-	-	
c	***Dự án (hoặc hạng mục dự án) đang thi công dở dang***						***57.664,806***	***57.664,806***	***5.327,754***	***8.662,213***	***12.570,089***	***5.960,000***	***10.456,275***	***22.830,000***	***12.570,089***	***31.426,504***	***6.925,452***	***20.250,000***	***6.925,452***	
1	Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ xã Sốp Cộp huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	3 tầng 6 phòng học, 1 phòng GDTC, 5 phòng HC	2017-2019	964, 24/8/2017	10.795,356	10.795,356	3.610,933	4.180,000	2.446,000	1.000,000	1.068,560	6.000,000	2.446,000	4.169,356	2.984,933	4.000,000	2.984,933	
2	Trường THCS xã Dồn Cang	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồn Cang	Nhà đa năng, phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ	2017-2019	959, 24/8/2017	8.866,123	8.866,123	1.716,821	4.482,213	1.500,000	1.700,000	1.167,870	5.400,000	1.500,000	2.883,910	1.134,608	2.650,000	1.134,608	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Luỹ kế KLHT từ KC đến 31/12/2017	Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2017	Năm 2018					Nhu cầu vốn còn thiếu để hoàn thành dự án		Kế hoạch 2019		Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Kế hoạch giao	9 tháng đầu năm		ước thực hiện cả năm		Tổng số	Trong đó: dự kiến Nợ KLHT đến 31/12/2018	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ KLHT đến hết 31/12/2018	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Thực hiện	Giải ngân thanh toán	Thực hiện	Giải ngân thanh toán					
3	Nâng cấp Đường Mường Vá-Nậm Lạnh	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Vá - Nậm Lạnh	4km	2018-2020	289, 21/3/2018	14.326,084	14.326,084	-	-	1.740,000	1.000,000	1.590,594	4.000,000	1.740,000	9.076,084	2.260,000	5.000,000	2.260,000	
4	Nâng cấp Đường Nậm Lạnh-Dồm Cang	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh - Dồm Cang	4km	2018-2020	288, 21/3/2018	14.618,730	14.618,730	-	-	3.654,089	1.000,000	3.486,470	4.000,000	3.654,089	9.468,641	345,911	5.000,000	345,911	
5	Đường giao thông ngã ba Pa Sút đi Phú Thông xã Sam Kha (Hạng mục 02 cầu tràn)	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	02 cầu tràn	2018-2019	372, 06/04/2018	6.403,465	6.403,465	-	-	2.300,000	800,000	2.261,005	2.500,000	2.300,000	4.103,465	200,000	2.000,000	200,000	
6	Nhà văn hóa bản Tông xã Mường Vá	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Vá	Nhà xây 04 gian cấp IV	2018-2019	348, 29/3/2018	1.330,851	1.330,851	-	-	460,000	230,000	437,190	460,000	460,000	870,851	-	800,000	-	
7	Nhà văn hóa bản Phiêng ban xã Púng Bánh	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	Nhà xây 04 gian cấp IV	2018-2019	349, 29/3/2018	1.324,197	1.324,197	-	-	470,000	230,000	444,586	470,000	470,000	854,197	-	800,000	-	
d	***Dự án khởi công mới năm 2019***						***33.155,850***	***33.155,850***	-	-	-	-	-	-	-	***33.155,850***	-	***11.880,000***	-	
1	Nâng cấp Nước sinh hoạt bản Co xã Púng Bánh	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	102 hộ	2019-2020		901,647	901,647	-	-	-	-	-	-	-	901,647	-	330,000	-	
2	Nhà truyền nhiễm thuộc bệnh viện đa khoa huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	2 tầng 10 buồng và các hạng mục phụ trợ	2019-2020		2.500,000	2.500,000	-	-	-	-	-	-	-	2.500,000	-	880,000	-	
3	Nhà văn hóa bản Cang Kéo xã nậm Lạnh	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020		1.468,846	1.468,846	-	-	-	-	-	-	-	1.468,846	-	550,000	-	
4	Nhà văn hóa bản Mới xã Nậm Lạnh	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020		1.558,098	1.558,098	-	-	-	-	-	-	-	1.558,098	-	600,000	-	
5	Thủy lợi bản Púng Băng xã Sam Kha	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	05 ha	2018-2020		2.687,222	2.687,222	-	-	-	-	-	-	-	2.687,222	-	940,000	-	
6	Nâng cấp nước sinh hoạt liên bản: Co Đứa - Nà Nghè - Huổi Hùm - Tông xã Mường Vá	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Vá	332 hộ	2019-2020		1.213,749	1.213,749	-	-	-	-	-	-	-	1.213,749	-	430,000	-	
7	Nước sinh hoạt bản Sam Kha xã Sam Kha	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	102 hộ	2019-2020		382,000	382,000	-	-	-	-	-	-	-	382,000	-	150,000	-	
8	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường mầm non Hoa Phượng Đỏ xã Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	02 tầng 6 phòng	2018-2020		6.306,265	6.306,265	-	-	-	-	-	-	-	6.306,265	-	2.300,000	-	
9	Nhà văn hóa Huổi My xã Sam Kha	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	Nhà xây 04 gian cấp III	2018-2020		1.647,023	1.647,023	-	-	-	-	-	-	-	1.647,023	-	600,000	-	
10	Đường giao thông Mường Lèo - Sam Quảng (Đoạn Mường Lèo - Huổi Phúc)	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lèo	8,5km	2019-2020		14.491,000	14.491,000	-	-	-	-	-	-	-	14.491,000	-	5.100,000	-	
II.2	**Chương trình 135**						**50.672,039**	**50.672,039**	**13.901,609**	**11.701,806**	**8.923,000**	**4.403,985**	**8.571,281**	**9.700,298**	**8.923,000**	**30.409,831**	**430,000**	**7.000,000**	**430,000**	
a	***Dự án đã hoàn thành bàn giao và đã đưa vào sử dụng trước 31/12/2017***						***14.700,208***	***14.700,208***	***13.901,609***	***11.701,806***	***2.156,702***	-	***2.156,702***	-	***2.156,702***	-	-	-	-	
1	Nhà lớp học, nhà công vụ giáo viên tiểu học Điểm trường bản Huổi Luông xã Mường Lèo	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lèo	5 phòng học, 3 phòng công vụ	2016-2017	2127, 28/10/2015	3.551,569	3.551,569	3.431,978	2.620,000	768,877	-	768,877	-	768,877	-	-	-	-	
2	Đường điện từ bản Tia - bản Huổi Sang xã Sam Kha	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	35 hộ	2016-2017	150, 21/01/2016	4.282,549	4.282,549	3.833,414	3.447,214	386,200	-	386,200	-	386,200	-	-	-	-	
3	Thủy lợi Huổi Nó - Long Phát xã Dồm Cang	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồm Cang	Xây dựng đập đầu mối 15m, tuyến kênh dài 2,5km cung cấp tưới cho khoảng 12 ha	2016-2017	1981, 19/10/2015	2.453,524	2.453,524	2.383,389	1.984,000	399,389	-	399,389	-	399,389	-	-	-	-	
4	Đập thủy lợi Co Ly Bản Khá - xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	12 ha	2016-2017	2130, 29/10/2015	4.412,566	4.412,566	4.252,828	3.650,592	602,236	-	602,236	-	602,236	-	-	-	-	

HUYỆN SỐP CỘP

Biểu số 09

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC HT	Quyết định đầu tư			Luỹ kế KLHT từ KC đến 31/12/2017	Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2017	Năm 2018					Nhu cầu vốn còn thiếu để hoàn thành dự án		Kế hoạch 2019		Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Kế hoạch giao	9 tháng đầu năm		ước thực hiện cả năm		Tổng số	Trong đó: dự kiến Nợ KLHT đến 31/12/2018	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ KLHT đến hết 31/12/2018	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Thực hiện	Giải ngân thanh toán	Thực hiện	Giải ngân thanh toán					
b	***Dự án chuyển tiếp đang thi công dở dang dự kiến hoàn thành năm 2018***						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
c	***Dự án (hoặc hạng mục dự án) đang thi công dở dang***						***27.803,831***	***27.803,831***	-	-	***6.766,298***	***4.493,985***	***6.414,579***	***9.700,298***	***6.766,298***	***22.241,831***	***430,000***	***3.600,000***	***430,000***	
1	Kênh thủy lợi Nà Heo bản Phiêng Pen xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	10 ha	2018-2019	373, 06/4/2018	1.625,998	1.625,998	-	-	570,000	520,967	520,967	800,000	570,000	1.055,998	230,000	1.000,000	230,000	
2	Đường điện Co Hịch - Pá Hốc xã Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Trạm biến áp, đường dây cấp điện cho 62 hộ	2018-2019	296, 26/3/2018	6.764,040	6.764,040	-	-	2.700,298	500,000	2.510,594	2.700,298	2.700,298	6.764,040	-	-	-	
3	Nhà văn hóa bản Pá Vai xã Mường Và	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	Nhà xây 04 gian cấp IV	2018-2019	295, 23/3/2018	1.421,265	1.421,265	-	-	550,000	494,518	494,518	600,000	550,000	871,265	50,000	800,000	50,000	
4	Nhà văn hóa bản Men xã Dồm Cang	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồm Cang	Nhà xây 04 gian cấp IV	2018-2019	350, 29/3/2018	1.384,863	1.384,863	-	-	550,000	492,500	492,500	600,000	550,000	834,863	50,000	800,000	50,000	
5	Đường vào khu sản xuất bản Nậm Tia xã Sam Kha	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	3,8km	2018-2020	374, 06/4/2018	1.988,935	1.988,935	-	-	900,000	900,000	900,000	1.000,000	900,000	1.088,935	100,000	1.000,000	100,000	
6	Nâng cấp Đường Nậm Lạnh-Dồm Cang	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh - Dồm Cang	4km	2018-2020	288, 21/3/2018	14.618,730	14.618,730	-	-	1.496,000	1.496,000	1.496,000	4.000,000	1.496,000	11.626,730	-	-	-	
d	***Dự án khởi công mới năm 2019***						***8.168,000***	***8.168,000***	-	-	-	-	-	-	-	***8.168,000***	-	***3.400,000***	-	
1	Kênh thủy lợi Phai Hèo Nà Lừa xã Mường Và	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	0	2019-2020		2.950,000	2.950,000	-	-	-	-	-	-	-	2.950,000	-	1.500,000	-	
2	Nhà văn hóa bản Huổi Dồm xã Dồm Cang	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dồm Cang	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020		1.300,000	1.300,000	-	-	-	-	-	-	-	1.300,000	-	500,000	-	
3	Nước sinh hoạt bản Liếng - bản Lón xã Púng Bánh	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	322 hộ và 7 nền HTXH	2019-2020		3.918,000	3.918,000	-	-	-	-	-	-	-	3.918,000	-	1.400,000	-	
II.3	**Chương trình NTM**						**61.933,784**	**61.933,784**	**17.500,514**	**20.614,544**	**11.261,000**	**8.953,649**	**9.655,942**	**14.982,439**	**11.199,908**	**29.609,037**	**607,409**	**13.870,000**	**715,734**	
a	***Dự án đã hoàn thành bàn giao và đã đưa vào sử dụng trước 31/12/2017***						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
b	***Dự án (hoặc hạng mục dự án) dự kiến hoàn thành năm 2018***						***28.877,254***	***28.877,254***	***17.500,514***	***20.614,544***	***6.401,675***	***4.750,499***	***5.452,702***	***9.582,439***	***6.340,583***	***1.411,832***	***66,734***	***200,000***	***66,734***	
1	Nhà văn hóa bản Sốp Năm xã Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	889, 08/8/2017	1.724,174	1.724,174	809,347	1.358,957	300,000	200,000	50,525	849,610	300,000	65,217	-	-	-	
2	Nhà văn hóa bản Huổi Khăng xã Sốp cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp cộp	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	890, 08/8/2017	1.365,044	1.365,044	443,877	1.170,000	80,021	200,000	67,997	806,144	80,021	115,023	-	-	-	
3	Nhà văn hóa bản Ban xã Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	885, 07/8/2017	1.278,183	1.278,183	303,567	1.170,000	29,106	300,000	20,052	895,539	29,106	79,077	-	-	-	
4	Nhà văn hóa bản Co Pồng xã Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp cộp	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	884, 07/8/2017	1.273,068	1.273,068	1.178,357	1.170,000	9,015	137,088	-	0,658	9,015	94,053	-	-	-	
5	Nhà văn hóa bản Nà Nó xã Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	897, 08/8/2017	1.277,424	1.277,424	332,157	1.170,000	18,411	300,000	5,814	856,254	18,411	89,013	-	-	-	
6	Nước sinh hoạt bản Bánh xã Púng Bánh	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	Cung cấp nước cho 170 hộ	2017-2018	898, 09/8/2017	2.520,906	2.520,906	1.266,734	1.150,000	1.250,000	900,000	1.187,186	1.200,000	1.250,000	120,906	66,734	100,000	66,734	
7	Thủy lợi Nà Khoang Bản Nà Khoang - xã Mường Và	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	Xây dựng đập đầu mối 20m, tuyến kênh 1,2km	2017-2018	899, 09/8/2017	3.876,615	3.876,615	1.176,079	1.750,000	1.877,855	960,000	1.669,134	2.451,776	1.877,855	248,760	-	100,000	-	
8	Nhà văn hóa bản Huổi sang xã Sam kha	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	Nhà xây 04 gian cấp IV	2017-2018	886, 07/8/2017	1.473,529	1.473,529	857,704	680,000	616,406	-	603,284	438,702	616,406	177,123	-	-	-	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Luỹ kế KLHT từ KC đến 31/12/2017	Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2017	Năm 2018					Nhu cầu vốn còn thiếu để hoàn thành dự án		Kế hoạch 2019		Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Kế hoạch giao	9 tháng đầu năm		ước thực hiện cả năm		Tổng số	Trong đó: dự kiến Nợ KLHT đến 31/12/2018	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ KLHT đến hết 31/12/2018	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Thực hiện	Giải ngân thanh toán	Thực hiện	Giải ngân thanh toán					
9	Trường mầm non Hoa Hồng	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	05 phòng hành chính	2017-2018	888, 07/8/2017	2.514,906	2.514,906	1.128,000	1.116,331	1.079,769	1.067,623	1.067,347	1.068,100	1.079,769	318,806	-	-	-	
10	Thủy lợi Lanh Bánh (Phai Bon) xã Nậm Lạnh	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	05 ha	2017-2018	900, 09/8/2017	1.363,096	1.363,096	651,640	650,000	650,000	390,000	382,388	648,360	650,000	63,096	-	-	-	
11	Sân cổng tường rào trường PTDTBT THCS Nà Khoang xã Mường Và	Ban QLDA ĐTXD	xã Mường Và	Sân, cổng, tường rào	2017-2018	887, 07/8/2017	970,758	970,758	562,704	500,000	430,000	295,698	350,151	367,296	430,000	40,758	-	-	-	
12	Nhà lớp học, Nhà công vụ giáo viên tiểu học điểm trường bản Huổi Luông, xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lèo	0	2016-2017	2127, 28/10/2015	3.551,569	3.551,569	3.431,978	3.388,877	43,101	-	30,833	-	-	-	-	-	-	
13	Thủy lợi Cang Cói - Phai Huổi Chưn, xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	0	2016-2017	2111, 28/10/2015	1.760,108	1.760,108	1.739,440	1.728,719	10,721	-	10,721	-	-	-	-	-	-	
14	Nước sinh hoạt bản Dốm - Nà Khá xã Dốm Cang	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dốm Cang	0	2016-2017	2137, 29/10/2015	1.997,600	1.997,600	1.885,203	1.884,107	1,096	-	1,096	-	-	-	-	-	-	
15	Nước sinh hoạt bản Nà Hàn xã Nậm Lạnh	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	0	2016-2017	2133, 29/10/2015	1.930,274	1.930,274	1.733,727	1.727,553	6,174	-	6,174	-	-	-	-	-	-	
c	***Dự án thi công dở dang***						***10.916,352***	***10.916,352***	-	-	***4.859,325***	***4.203,240***	***4.203,240***	***5.400,000***	***4.859,325***	***6.057,027***	***540,675***	***5.800,000***	***649,000***	
1	Thủy lợi cụm Nà Phát xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	Xây dựng đập đầu mối, tuyến kênh	2018-2019	358, 31/3/2018	3.136,961	3.136,961	-	-	1.230,000	1.170,205	1.170,205	1.500,000	1.230,000	1.906,961	270,000	1.800,000	270,000	
2	Thủy lợi Nà Pù Luông bản Huổi Dương xã Mường Và	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	Xây dựng đập đầu mối, tuyến kênh	2018-2019	356, 31/3/2018	3.555,402	3.555,402	-	-	1.608,325	1.353,796	1.353,796	1.500,000	1.608,325	1.947,077	(108,325)	1.900,000	-	
3	Kênh bản Dốm đến UBND xã Dốm Cang	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dốm Cang	Sửa chữa cổng lấy nước, kênh tưới	2018-2019	286, 21/3/2018	947,151	947,151	-	-	550,000	400,000	400,000	600,000	550,000	397,151	50,000	350,000	50,000	
4	NSH bản Phá Thóng xã Púng Bánh, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	Xây dựng đập đầu mối, bể lọc, bể điều hòa trụ vòi và đường ống	2018-2019	357, 31/3/2018	755,468	755,468	-	-	500,000	324,463	324,463	600,000	500,000	255,468	100,000	250,000	100,000	
5	Nước sinh hoạt bản Sang Quảng xã Mường Lèo	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lèo	Xây dựng đập đầu mối, bể lọc, bể điều hòa trụ vòi và đường ống	2018-2019	285, 21/3/2018	2.521,370	2.521,370	-	-	971,000	954,776	954,776	1.200,000	971,000	1.550,370	229,000	1.500,000	229,000	
d	***Dự án khởi công mới năm 2019***						***22.140,178***	***22.140,178***	-	-	-	-	-	-	-	***22.140,178***	-	***7.870,000***	-	
1	Thủy lợi phai Púng bản Púng xã Púng Bánh	Ban QLDA ĐTXD	Xã púng Bánh	Xây dựng đập đầu mối, tuyến kênh	2019-2020		3.345,055	3.345,055	-	-	-	-	-	-	-	3.345,055	-	1.170,000	-	
2	Nước sinh hoạt bản Nong Lanh - Sẳm Pói xã Mường Và	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường và	Xây dựng đập đầu mối, bể lọc, bể điều hòa trụ vòi và đường ống	2019-2020		4.100,666	4.100,666	-	-	-	-	-	-	-	4.100,666	-	1.500,000	-	
3	Thủy lợi Huổi Si Gian bản Phiêng Ben xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	Xây dựng đập đầu mối, tuyến kênh	2019-2020		2.925,034	2.925,034	-	-	-	-	-	-	-	2.925,034	-	1.050,000	-	
4	Kênh mương Nọi bản Cang xã Dốm Cang	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dốm Cang	Xây dựng tuyến kênh	2019-2020		799,998	799,998	-	-	-	-	-	-	-	799,998	-	300,000	-	
5	Nhà văn hóa bản Nậm Tà xã Sam Kha	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sam Kha	Nhà xây 04 gian cấp III	2019-2020		1.600,000	1.600,000	-	-	-	-	-	-	-	1.600,000	-	560,000	-	
6	Thủy lợi phai Nà Nam bản Cọ xã Púng Bánh	Ban QLDA ĐTXD	Xã Púng Bánh	Xây dựng đập đầu mối, tuyến kênh	2019-2020		4.697,105	4.697,105	-	-	-	-	-	-	-	4.697,105	-	1.650,000	-	
7	Thủy lợi bản Nậm Lạnh xã Nậm Lạnh	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	Xây dựng đập đầu mối, tuyến kênh	2019-2020		2.445,320	2.445,320	-	-	-	-	-	-	-	2.445,320	-	860,000	-	
8	Thủy lợi Huổi Na Co Mèn bản Huổi Yên xã Dốm Cang	Ban QLDA ĐTXD	Xã Dốm Cang	6 ha	2019-2020		2.227,000	2.227,000	-	-	-	-	-	-	-	2.227,000	-	780,000	-	

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH NỢ XDCB CỦA HUYỆN ĐẾN HẾT 30/9/2018

CÁC NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /9/2018 của UBND huyện Sốp Cộp)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Khối lượng hoàn thành từ KC đến hết 30/9/2018	Luỹ kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Giải ngân thanh toán đến 30/9/2018		Nhu cầu vốn còn thiếu		Dự kiến bố trí KH 2019	Ghi chú
						Số QĐ-ngày/ tháng/năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Tổng số	TĐ: KH 2018	Tổng số	TĐ: Dư tạm ứng chưa hoàn	Nhu cầu so với tổng mức đầu tư hoặc dự toán được duyệt	Trong đó: Nợ XDCB		
	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						**21.964,425**	**20.635,368**	**19.043,975**	**2.000,000**	**14.000,000**	-	**2.674,592**	**1.591,393**	**928,228**	
I	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI**						**16.900,309**	**15.817,110**	**15.043,975**	-	**10.000,000**	-	**1.856,334**	**773,135**	**109,970**	
b	***Dự án hoàn thành năm 2017***						***16.900,309***	***15.817,110***	***15.043,975***	-	***10.000,000***	-	***1.856,334***	***773,135***	***109,970***	
1	Trường tiểu học xã Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	Nhà lớp học 3 tầng, các hạng mục phụ trợ	2016-2017	24, 01/3/2017	11.471,262	10.663,165	10.000,000	-	10.000,000	-	1.471,262	663,165		Bổ sung vốn năm 2018
2	Thủy lợi Phai Ta xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD	Xã Sốp Cộp	29 ha	30/12/2015 - 20/8/2016	2144, 30/10/2015	5.429,047	5.153,945	5.043,975	-	-	-	385,072	109,970	109,970	
II	**Hỗ trợ các xã biên giới Việt Nam - Lào theo Quyết định số 160/QĐ-TTg**						**5.064,116**	**4.818,258**	**4.000,000**	**2.000,000**	**4.000,000**	-	**818,258**	**818,258**	**818,258**	
b	***Dự án (hoặc hạng mục dự án) hoàn thành năm 2017***						***5.064,116***	***4.818,258***	***4.000,000***	***2.000,000***	***4.000,000***	-	***818,258***	***818,258***	***818,258***	
1	Nhà văn hóa bản Huổi Pót xã Mường Và, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Và	Nhà xây 4 gian	20117-2018	1845, 31/10/2016	1.103,375	1.043,164	1.000,000	500,000	1.000,000	-	43,164	43,164	43,164	
2	Nhà văn hóa bản Huổi Phúc xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lèo	Nhà xây 4 gian	20117-2018	1843, 31/10/2016	1.448,499	1.405,173	1.000,000	500,000	1.000,000	-	405,173	405,173	405,173	
3	Nhà văn hóa bản Nậm Lạnh xã Nậm Lạnh, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Lạnh	Nhà xây 4 gian	20117-2018	1842, 31/10/2016	1.226,626	1.137,043	1.000,000	500,000	1.000,000	-	137,043	137,043	137,043	
4	Nhà văn hóa bản Cang Cói xã M.Lạn	Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Lạn	Nhà xây 4 gian	20117-2018	1844, 31/10/2016	1.285,616	1.232,878	1.000,000	500,000	1.000,000	-	232,878	232,878	232,878	